

## **BÁO CÁO THỰC TẬP**

### **Kế toán tại Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định**

#### **LỜI MỞ ĐẦU**

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, đặc biệt khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức kinh tế thương mại thế giới WTO thì việc cạnh tranh giữa nền kinh tế trong nước các nền kinh tế khác trên thế giới là điều tất yếu. Điều này đặt ra cho doanh nghiệp Việt Nam một câu hỏi lớn là làm sao để sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất. Trong khi nền kinh tế trong nước còn non trẻ và chưa có nhiều kinh nghiệm ở thị trường quốc tế thì đây càng là một câu hỏi khó cho những nhà quản lý và những người làm công tác kế toán trong các doanh nghiệp.

Để có được những số liệu phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh chúng ta không thể không nhắc đến vai trò to lớn của bộ phận kế toán. Thông qua các số liệu do kế toán cung cấp, nhà quản lý sẽ hiểu rõ được thực trạng nguồn vốn công ty từ đó sẽ có những quyết định đầu tư đúng đắn hay những cơ hội kinh doanh để tìm kiếm lợi nhuận. Vì vậy, việc quản lý vốn bằng tiền sao cho mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất là vấn đề rất đáng quan tâm.

Được sự cho phép của các anh chị trong ban lãnh đạo của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn là cô **Lê Thị Thanh Mỹ** đã giúp đỡ em rất nhiều trong đợt kiến tập này, nhằm chuẩn bị cho công tác thực tập sắp tới. Sau một quá trình thăm quan, quan sát tại Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định và cùng với sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn đã giúp em hoàn thành bài báo cáo thực tập này.

Bài báo cáo thực tập này gồm 3 phần cơ bản:

**Phần 1:** Giới thiệu khái quát chung về Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định

**Phần 2:** Thực hành ghi sổ kế toán tiền mặt tại Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định

**Phần 3:** Một số ý kiến nhận xét về hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định .

Mặc dù đã rất cố gắng song thời gian thực tập còn ít, khả năng và kinh nghiệm của bản thân còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến bổ sung của các Thầy Cô giáo cũng như của các anh, chị kế toán trong Công ty và các bạn sinh viên cùng ngành để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

Quy Nhơn, Ngày 10 tháng 07 năm 2014

*Sinh viên thực tập*

Hồ Trung Kiên

## PHẦN 1

### GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

#### 1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định

##### 1.1.1. Tên, địa chỉ công ty

Tên công ty : Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định  
 Địa chỉ trụ sở chính: 146 Lý Thái Tổ, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
 Mã số thuế : 4100258955  
 Điện thoại : 056.3647946  
 Fax : 056.3847843  
 Website : [www.binhdinhwaco.com.vn](http://www.binhdinhwaco.com.vn)

##### 1.1.2. Thời điểm thành lập, các mốc quan trọng

Hệ thống cấp nước TP Quy Nhơn được hình thành từ thời Mỹ Thiệu với quy mô nhỏ, sản xuất nước với công nghệ lạc hậu, hệ thống cấp nước có công suất khoảng 2.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm chủ yếu phục vụ cho các trại lính đóng trên địa bàn thị xã Quy Nhơn và một số cơ quan văn phòng của chế độ cũ.

Khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, năm 1976 UBND tỉnh Nghĩa Bình (cũ) nay là tỉnh Bình Định đã ký quyết định thành lập nhà máy nước Quy Nhơn. Nhà máy nước Quy Nhơn là đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Sở xây dựng Nghĩa Bình (cũ) nay là Sở xây dựng Bình Định. Nhà máy nước Quy Nhơn đã tiến hành cải tạo lại 3 giếng nước tại công ty Thủy Lợi, giếng bơm Bàu Sen và giếng bơm Cây Thị, công suất nước sau khi cải tạo nâng cấp đạt khoảng 5.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm. Nhưng công suất cấp nước vẫn không đáp

ứng được nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân Thị xã Quy Nhơn. Do đó UBND tỉnh Nghĩa Bình (cũ) đã ký quyết định thành lập Ban kiến thiết nhà máy nước Quy Nhơn – Đơn vị trực thuộc Sở xây dựng Nghĩa Bình (cũ) để có thể đáp ứng cho nhu cầu ngày càng phát triển.

\* Giai đoạn 1996 – 2005:

Tháng 9 năm 1996 Công ty Cấp thoát nước Bình Định được UBND tỉnh quyết định thành lập theo Quyết định số 2312/QĐ-UB, ngày 23/09/1996 đổi tên là Công ty Cấp thoát nước Bình Định. Từ năm 1996 đến năm 2005 Công ty Cấp thoát nước Bình Định đã phát triển và lớn mạnh không ngừng là nhờ thực hiện dự án nâng công suất cấp thoát nước TP Quy Nhơn từ nguồn vốn ODA.

\* Giai đoạn 2005 – nay:

Hiện nay nhờ dự án cấp thoát nước đã hoàn thành vào cuối năm 2005 nâng công suất lên 45.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm và đã ký hợp đồng nước cho 43.824 hộ gia đình và 1.223 cơ quan, xí nghiệp.

Tháng 4/2006, Công ty đã tiến hành triển khai dự án cung cấp nước sạch cho 9 thị trấn, thị trấn trong tỉnh gồm: Tuy Phước (huyện Tuy Phước), Bình Định, Đập Đá, Gò Găng (huyện An Nhơn), Ngô Mây (huyện Phù Cát), Bình Dương (huyện Phù Mỹ), Bồng Sơn, Tam Quan (huyện Hoài Nhơn) và Tăng Bạt Hổ (huyện Hoài Ân). Dự án được đầu tư qua 2 giai đoạn với tổng kinh phí 117 tỷ VNĐ và sẽ cung cấp khoảng 11.000m<sup>3</sup>/ng.đ cho 16.000 hộ dân của 9 thị trấn, các xã lân cận trong vùng Dự án.

Thực hiện ý kiến của UBND tỉnh Bình Định tại quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Bình Định thành Công ty TNHH một thành viên, từ ngày 01/7/2010 Công ty đã chính thức chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên.

Năm 2012, Công ty đã thực hiện xong Dự án đầu tư cải tạo công nghệ và nâng công suất Nhà máy Xử lý nước Phú Tài từ 25.000m<sup>3</sup>/ng.đ lên 30.000m<sup>3</sup>/ng.đ, được UBND tỉnh Bình Định thống nhất về chủ trương tiến hành triển khai các Dự án: Nâng công suất các nhà máy nước tại thị trấn Bình Dương và Bồng Sơn; Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước tại 09 thị trấn; Dự án cấp nước Trung tâm gặp gỡ khoa học quốc tế đa ngành tại khu vực 1, phường Ghềnh Ráng, TP-Quy Nhơn; Dự án nâng công suất hệ thống cấp nước TP-Quy Nhơn từ 54.300 lên 80.000m<sup>3</sup>/ng.đ; Dự án đầu tư xây dựng dịch chuyển 02 tuyến ống D400, D500 nằm trong lòng đường Quốc lộ 1D bằng tuyến ống D700 theo quy hoạch được duyệt.

#### 1.1.3. Quy mô hiện tại của công ty

Tính tới thời điểm ngày 31/12/2013, nguồn vốn kinh doanh của công ty là: **439.577.859.979** đồng, Trong đó:

- Nợ phải trả: **307.374.551.431** đồng.
- Vốn chủ sở hữu: **127.437.242.456** đồng.
- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **94.836.265.806** đồng.

Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2013 là: **357** người.

Như vậy, theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 của Chính phủ thì Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định được xếp vào loại doanh nghiệp lớn.

#### 1.1.4. Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định, đóng góp vào ngân sách qua các năm gần đây.

Trong những năm gần đây, cùng với sự đổi mới và phát triển của nền kinh tế, Công ty đã đạt nhiều thành tựu đáng kể, đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Điều đó thể hiện qua các chỉ tiêu đạt được như sau:

**Bảng 1.1: Một số chỉ tiêu phản ánh kết quả HĐKD đạt được trong 3 năm 2011, 2012 và 2013**

(ĐVT: đồng)

| Chỉ tiêu                    | Năm 2011       | Năm 2012       | Năm 2013        |
|-----------------------------|----------------|----------------|-----------------|
| 1.DT bán hàng và cc dv      | 77.931.721.211 | 91.748.929.076 | 103.155.217.673 |
| 2.Các khoản giảm trừ DT     | 44.879.595     | 36.798.255     | 174.694.695     |
| 3.DT thuần bán hàng& cc dv  | 77.886.841.616 | 91.712.131.451 | 102.980.522.978 |
| 4.Giá vốn hàng bán          | 61.321.094.759 | 75.076.870.281 | 75.175.786.708  |
| 5.LN gộp bán hàng & cc dv   | 16.565.746.857 | 16.635.261.170 | 27.804.736.270  |
| 6.DT hoạt động tài chính    | 4.409.787.567  | 1.946.093.590  | 397.436.946     |
| 7.Chi phí tài chính         | 7.634.494.052  | 7.366.766.365  | 7.229.335.497   |
| -Trong đó :lãi vay phải trả | 7.634.494.052  | 7.366.766.365  | 7.229.335.497   |
| 8.Chi phí bán hàng          |                |                | 4.771.713.331   |
| 9. Chi phí QLDN             | 7.201.702.401  | 7.717.989.341  | 11.184.391.676  |
| 10.LN thuần từ HĐKD         | 6.139.337.971  | 3.496.589.054  | 4.946.732.712   |
| 11.Thu nhập khác            | 722.737.572    | 888.268.046    | 237.075.905     |
| 12.Chi phí khác             | 140.492.071    | 48.844.895     | 98.522.724      |
| 13.Lợi nhuận khác           | 582.245.501    | 839.423.151    | 138.553.181     |
| 14.Tổng LNKT trước thuế     | 6.721.583.472  | 4.336.012.205  | 5.085.285       |
| 15.CP thuế TNDN hiện hành   | 1.680.395.868  | 1.084.003.053  | 1.271.321.474   |
| 16.CP thuế TNDN hoãn lại    |                |                |                 |

|                     |               |               |               |
|---------------------|---------------|---------------|---------------|
| 17.LN sau thuế TNDN | 5.041.187.604 | 3.252.009.152 | 3.813.964.419 |
|---------------------|---------------|---------------|---------------|

(Phòng kế toán- tài chính)

Qua bảng số liệu trên cho ta thấy, quy mô kinh doanh của Công ty năm 2013 có sự tăng mạnh so với năm 2012, thể hiện qua chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm 2013 tăng so với năm 2011 là 11.406.288.597 đồng (tăng 17,73%). Mặt khác, Doanh thu thuần năm 2013 tăng 13.825.289.835 đồng so với năm 2012 tương ứng tăng 17,75%. Nhưng sự tăng của Doanh thu thuần không đủ bù đắp cho sự tăng của Tổng chi phí đã làm Lợi nhuận sau thuế năm 2013 giảm 1.789.178.452 đồng so với năm 2012 tương ứng với 35,49%, đồng thời đóng góp vào NSNN cũng đã giảm so với năm 2012. Sự giảm này là do phát sinh chi phí quá lớn, giá nguyên vật liệu tăng dẫn đến giá vốn lớn.

Việc tăng Doanh thu của Công ty là cho thấy đó là một dấu hiệu tốt về tình hình sản xuất của Công ty, đồng thời cũng thấy được sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo công ty.

Trong năm 2014, Công ty cần duy trì và phát huy hơn nữa để tăng doanh thu nhằm tăng lợi nhuận hơn nữa và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

## 1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Định.

### 1.2.1. Chức năng của công ty

- Quản lý sản xuất và kinh doanh nước sạch, quản lý, duy tu, nạo vét và xử lý chất thải hệ thống thoát nước.
- Hút và xử lý chất thải bề phốt hàm cầu.
- Tư vấn lập dự án và thiết kế công trình cấp thoát nước.
- Thi công xây lắp, sửa chữa công trình cấp thoát nước.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước.

- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.

### 1.2.2. Nhiệm vụ của công ty

Sản xuất và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản được giao một cách có hiệu quả.

Nghiên cứu nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong tỉnh, khả năng sản xuất và cung cấp dịch vụ, chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Thực hiện tất cả các cam kết hợp đồng mua bán, hợp tác đầu tư với tất cả các tổ chức kinh tế quốc doanh, các thành phần kinh tế khác và Nhà nước.

Quản lý tốt cán bộ nhân viên của công ty theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước. Không ngừng cải thiện điều kiện lao động, sinh hoạt của cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong quản lý.

## 1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

### 1.3.1. Loại hình kinh doanh và các loại hàng hóa, dịch vụ chủ yếu mà công ty đang kinh doanh

Theo Giấy CNĐKKD và Đăng ký thuế Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định là công ty được phép kinh doanh các lĩnh vực sau:

- Sản xuất và phân phối nước, thi công xây lắp đường ống nước.
- Thiết kế, thi công, sửa chữa một số trạm cấp nước nhỏ trong tỉnh và thiết kế thi công đường ống nhánh cấp nước vào hộ gia đình.
- Xây dựng, lắp đặt các công trình cấp nước.
- Tư vấn lập dự án các công trình cấp nước.
- Kinh doanh vật tư, thiết kế chuyên ngành cấp thoát nước.

### 1.3.2. Thị trường đầu ra và đầu vào của Công ty

- *Thị trường đầu vào của công ty* là khai thác nước ngầm dọc ven bờ sông Hà Thanh, gồm 14 giếng (11 giếng bờ phía Bắc và 3 giếng bờ phía Nam) rải dọc trên các xã Phước Thành, Phước An, thị trấn Diêu Trì và phường Trần Quang Diệu – TP Quy Nhơn. Bên cạnh đó dự án ADB đã đưa vào sử dụng năm 2005, 9 giếng Tân An – An Nhơn – Bình Định cũng đã đi vào hoạt động dẫn đến công suất hiện nay đạt 45.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm.
- *Thị trường đầu ra của công ty* là sản xuất nước để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và các cơ quan, xí nghiệp dùng cho sản xuất, thời gian hoạt động liên tục trong năm.

### 11.3.3. **Vốn kinh doanh của Công ty**

Được sự giúp đỡ và hỗ trợ về nhiều mặt đặc biệt về vốn thì công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định có cơ cấu vốn kinh doanh như sau: Với nguồn vốn thì công ty có tổng nguồn vốn là **439.577.859.979** đồng trong đó có vốn chủ sở hữu đầu tư là **94.836.265.806** đồng, một phần vốn cấp và vốn đi vay.

### 1.3.4. **Đặc điểm của các nguồn lực chủ yếu của công ty.**

#### 1.3.4.1. **Tình hình sử dụng lao động**

Tình hình sử dụng lao động của công ty tính tới ngày 31/12/2013 được thể hiện qua các bảng cơ cấu sau:

**Bảng 1.2: Cơ cấu lao động theo chức năng.**

| STT | Chỉ tiêu                      | Số lượng(người) | Tỷ lệ(%)   |
|-----|-------------------------------|-----------------|------------|
| 1   | Bộ phận lao động trực tiếp SX | 262             | 74,3       |
| 2   | Bộ phận quản lý               | 92              | 25,7       |
|     | <b>Tổng cộng</b>              | <b>354</b>      | <b>100</b> |

(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính – lao động tiền lương)

**Bảng 1.3: Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn.**

| STT | Loại lao động    | Số lượng(người) | Tỷ lệ(%)   |
|-----|------------------|-----------------|------------|
| 1   | Đại học          | 85              | 24,01      |
| 2   | Cao đẳng         | 9               | 2,54       |
| 3   | Trung cấp        | 131             | 37         |
| 4   | Công nhân        | 129             | 36,46      |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>354</b>      | <b>100</b> |

(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính – lao động tiền lương)

**Bảng 1.4: Cơ cấu lao động theo giới tính.**

| STT | Chỉ tiêu         | Số lượng(người) | Tỷ lệ(%)   |
|-----|------------------|-----------------|------------|
| 1   | Nam              | 266             | 75,14      |
| 2   | Nữ               | 88              | 24,86      |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>354</b>      | <b>100</b> |

(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính – lao động tiền lương)

Qua các số liệu vừa nêu trên ta thấy: cơ cấu lao động theo chức năng thì số lượng lao động tham gia lao động trực tiếp chiếm tỷ trọng (74,3%) cao hơn lao động gián tiếp (chiếm 25,7%) điều đó thể hiện công ty có đội ngũ lao động tương đối đa dạng thêm vào đó với cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn số lượng người có trình độ cũng chiếm một tỷ trọng khá lớn. Trong đó lao động bậc đại học chiếm hơn một nửa con số tỷ trọng lao động có trình độ (chiếm 24,01%). Còn với cơ cấu lao động theo giới tính thì số lượng lao động nam chiếm tỷ trọng cao hơn so với lao động nữ trong công ty thể hiện đặc thù

của ngành nghề(chiếm 75,14%). Vì địa bàn hoạt động của công ty khá rộng nên cơ cấu nhân sự của công ty như trên là khá hợp lý.

#### 1.3.4.1. Tài sản cố định

**Bảng 1.5. Tình hình TSCĐ của Công ty tính đến năm 2013**

**ĐVT: Đồng**

| Nhóm tài sản             | Nguyên giá      | Đã khấu hao     | Giá trị còn lại |
|--------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc   | 41.975.329.945  | 15.475.350.800  | 26.499.979.145  |
| Máy móc, thiết bị        | 25.693.181.820  | 11.186.151.189  | 14.507.030.631  |
| Phương tiện vận tải      | 428.944.655.200 | 119.618.322.400 | 309.326.332.800 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 4.713.766.475   | 1.055.411.206   | 3.658.355.269   |
| Tài sản cố định khác     | 21.429.219.540  | 7.827.667       | 21.421.391.873  |
| Tổng                     | 522.756.152.983 | 147.343.063.262 | 375.413.089.721 |

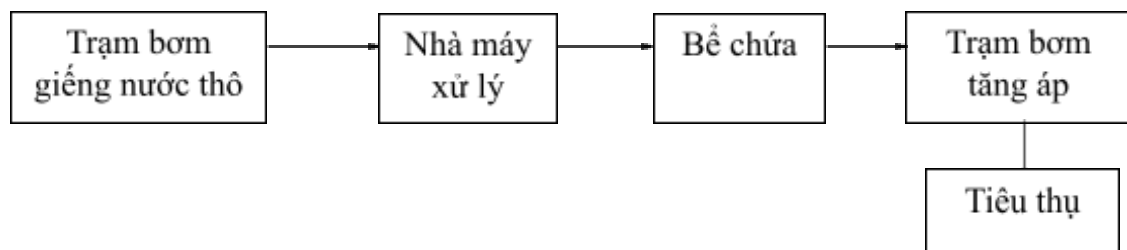
(Nguồn: phòng kế toán)

Qua bảng trên, ta thấy quy mô tài sản cố định tương đối lớn, trong đó phương tiện vận tải chiếm phần lớn trong tổng tài sản của Công ty. Với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty nên phương tiện vận tải truyền dẫn được trang bị nhiều để phục vụ nhu cầu kinh doanh.... Vì vậy, cơ cấu tài sản như vậy là phù hợp với công việc sản xuất kinh doanh của công ty.

### 1.4. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của Công ty

#### 1.4.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh

##### 1.4.1.1. Quy trình công nghệ sản xuất



### Sơ đồ 1.1: Quy trình công nghệ sản xuất

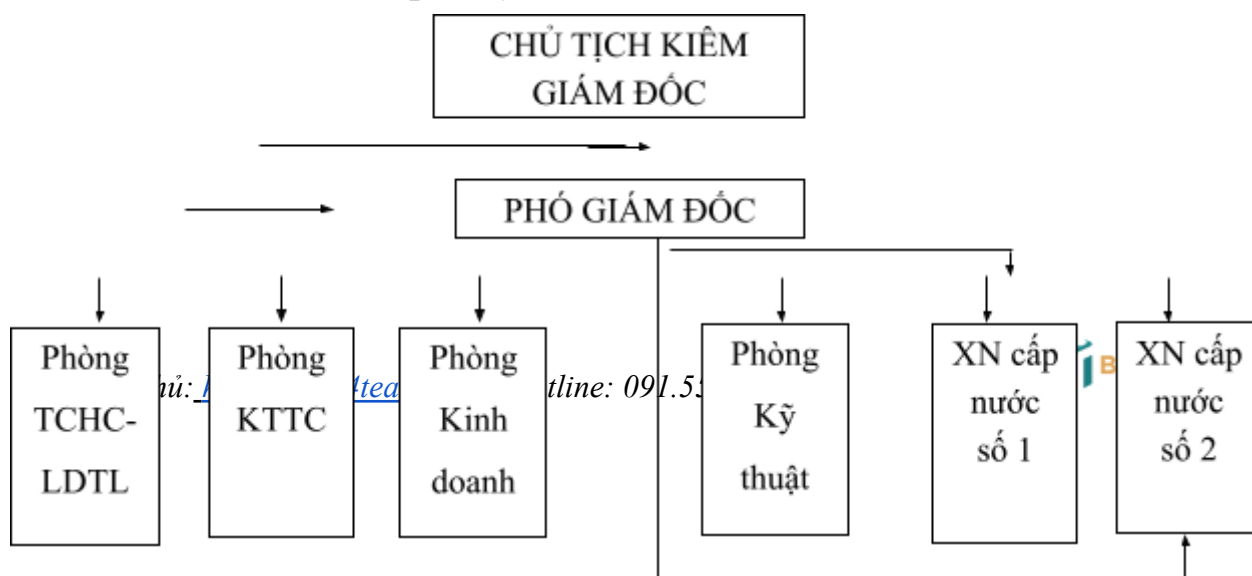
Sơ đồ trên đã khái quát được quy trình thực hiện công việc sản xuất của công ty. Giai đoạn đầu công ty sử dụng nước thô sau khi được khai thác lên từ các giếng, mạch nước ngầm thì được dẫn về nhà máy xử lý. Tại đây, giai đoạn 2 được thực hiện. Nước được trộn với hóa chất, sau đó sử dụng khuấy thủy lực bằng các vách ngăn để tạo sự va chạm và dính kết giữa các hạt cặn với chất keo. Các cặn được lắng xuống nhờ trọng lực. Tiếp theo nhà máy sử dụng bể lọc nhanh bằng cát thạch anh, chiều dày lớp cát từ 0,9 đến 1,2m, đường kính hạt cát từ 0,9 đến 1,6 mm. Cuối cùng nước được khử khuẩn bằng clo. Thực hiện xong 2 giai đoạn cơ bản trên lượng nước sạch sau khi được xử lý, nước được chứa tại bể chứa sạch của nhà máy. Các bể chứa này đều là bể kín được xây dựng bê tông, cốt thép kiên cố. Nước từ bể chứa được bơm trực tiếp vào mạng nhờ trạm bơm tăng áp và đến với người sử dụng. Quy trình công nghệ sản xuất công ty được thực hiện một cách ổn định.

#### 1.4.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh

Với chu kỳ khép kín liên tục từ khâu nguyên liệu đưa vào sản xuất tạo ra sản phẩm, do đặc tính nguyên vật liệu nước là không lưu kho. Do đó Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định tổ chức sản xuất 3 ca liên tục trong thời gian hợp đồng sản xuất (24/24) nhằm tận dụng thời gian chạy máy và phát huy hết công suất của máy để đảm bảo phân phối nước máy kịp thời. Ngoài ra còn đáp ứng nhu cầu về lắp đặt và sửa chữa đường ống nước.

#### 1.4.2. Đặc điểm tổ chức quản lý

##### □ Sơ đồ tổ chức quản lý



## Sơ đồ 1.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động Công ty

**Ghi chú:**

—————> : Quan hệ trực tuyến      - - - - -> : Quan hệ chức năng

□ **Chức năng, nhiệm vụ**

- **Chủ tịch kiêm Giám Đốc** : chịu trách nhiệm trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ công ích của công ty. Trực tiếp ký các văn bản trình cấp trên, ký các hợp đồng kinh tế, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về các văn bản và chứng từ đã ký.
- **Phó giám đốc**: giúp giám đốc lãnh đạo điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ công ích theo phân công và ủy quyền của giám đốc. Kiểm tra và ký các hợp đồng, các hóa đơn và các hợp đồng xây lắp nội bộ công ty, các văn bản liên quan đến các dự án do công ty làm chủ đầu tư.
- **Phòng tổ chức hành chính – lao động tiền lương**: quản lý hồ sơ cán bộ trong toàn công ty. Tổ chức thi bậc thợ nâng bậc lương, đào tạo ngành nghề cho nhân viên. Xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương.

- *Phòng kinh doanh:* ký kết, theo dõi hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sạch giữa công ty và khách hàng. Kiểm tra việc ghi chỉ số đồng hồ và phát hành hóa đơn thu tiền nước. Quyết toán tiền nước hàng tháng và làm báo cáo doanh thu và có nhiệm vụ phụ trách Tổ ghi-thu (thu đủ nộp tiền đúng thời hạn quy định).
- *Phòng kế toán tài chính:*
  - + Thu thập xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán.
  - + Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản.
  - + Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
- *Phòng kỹ thuật:* lập dự toán các công trình bắt nước sinh hoạt, các công trình cấp thoát nước do công ty ký hợp đồng. Kiểm tra giám sát thi công xây lắp đường ống cấp thoát nước. Nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
- *Ban quản lý dự án:* quản lý các dự án do công ty làm chủ đầu tư. Tổ chức đấu thầu, giao thầu, ký hợp đồng các công trình theo quy định của Nhà nước. Nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
- *Đội KĐ-QL, bảo dưỡng máy móc, thiết bị:* quản lý về khâu sửa chữa kỹ thuật, kiểm định và bảo dưỡng các máy móc thiết bị tại công ty.
- *Đội KT-QL-SC HT cấp nước:* kiểm tra lập biên bản những hộ vi phạm quy chế, thực hiện cúp nước những hộ có thông báo cúp nước, quản lý hệ thống đường ống cấp nước từ các trạm bơm đến hộ sử dụng nước, phát hiện rò rỉ kiểm tra và giải quyết dời chuyển các đường ống, sửa chữa kịp thời các đường ống nước bị rò rỉ hư hỏng.

- *Đội vận hành:* vận hành bơm theo đúng quy trình kỹ thuật, bảo vệ toàn bộ tài sản tại trạm bơm. Bảo dưỡng các máy bơm và giếng bơm, thiết bị điện theo định kỳ. Đào tạo tay nghề tại chỗ cho công nhân bậc 1/7 và 2/7.
- *Xi nghiệp cấp nước số 1:* là một đơn vị trực thuộc công ty cấp thoát nước Bình Định thực hiện chức năng quản lý, sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn các thị trấn và vùng phụ cận, thiết kế các công trình cấp nước; Thi công xây lắp và sửa chữa các công trình cấp nước.
- *Xi nghiệp cấp nước số 2:* là một đơn vị trực thuộc công ty cấp thoát nước Bình Định thực hiện chức năng quản lý, sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn các thị trấn và vùng phụ cận; thiết kế các công trình cấp nước; thi công xây lắp và sửa chữa các công trình cấp nước.
- *Xi nghiệp thoát nước thành phố quy nhỏ:* là đơn vị trực thuộc công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bình Định thực hiện chức năng quản lý duy trì hệ thống thoát nước bao gồm: hệ thống cống thoát nước mưa, nước thải, hố ga, hồ điều hòa, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải trong thành phố quy nhỏ; thi công xây lắp các công trình cấp thoát nước do công ty giao.
- *Tổ vi tính:* Tham mưu giúp Giám đốc quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động SX-KD của công ty. Trực tiếp tổ chức những ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động SX-KD theo nhiệm vụ được giao.

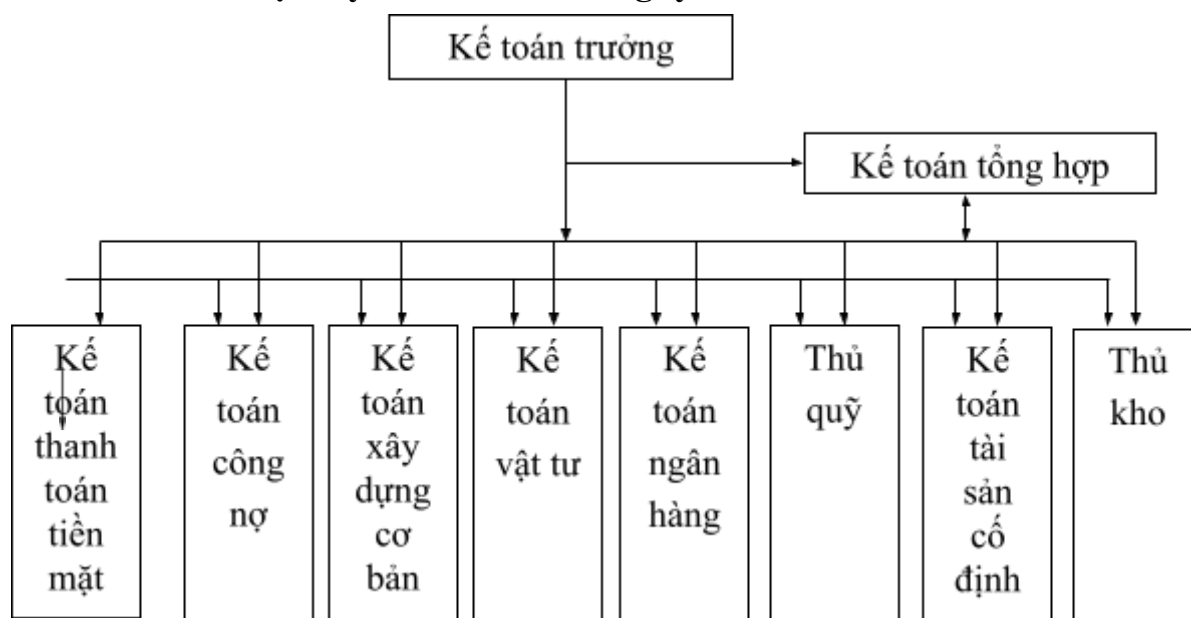
## 11.5. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty

### 1.5.1. Mô hình tổ chức kế toán tại Công ty

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán trong công ty đều

được tiến hành tập trung tại phòng kế toán, toàn bộ chứng từ được xử lý tại phòng kế toán từ việc tổng hợp chứng từ và xử lý chứng từ đến lập báo cáo tài chính.

#### 1.5.2.1 Bộ máy kế toán của Công ty



Sơ đồ 1.3: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

#### Ghi chú:

- > : Quan hệ trực tuyến
- > : Quan hệ chức năng
- ←———— : Quan hệ đối chiếu

#### □ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán

-*Kế toán trưởng*: trực tiếp phân công chỉ đạo công việc kế toán viên, kiểm tra giám sát mọi hoạt động kế toán của công ty, tham mưu cho giám đốc trong việc kinh doanh, giám sát mọi hoạt động tài chính của công ty.

*Kế toán tổng hợp*: phản ánh tình hình tăng giảm và tình hình hiện có của các loại vốn quỹ, phản ánh tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh. Hàng tháng tập hợp các nhật ký chứng từ, bảng kê tập hợp số liệu vào sổ gốc cho từng loại tài khoản. Cuối quý lập các biểu quyết toán, bảng cân đối

số phát sinh, bảng tổng kết tài sản theo đúng quy định. Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- *Kế toán thanh toán*: phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm các loại quỹ tiền mặt, vốn bằng tiền khác, vay mượn. Kiểm tra chứng từ thanh toán hợp lệ, viết phiếu thu, phiếu chi bằng tiền mặt.

- *Kế toán TSCĐ*: phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm về số lượng và chất lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tính khấu hao, theo dõi, sửa chữa, thanh lý, nhượng bán, đi thuê và cho thuê TSCĐ. Hạch toán và theo dõi tình hình biến động TSCĐ, ghi chép vào sổ tổng hợp và chi tiết. Tham gia công tác kiểm kê TSCĐ định kỳ, đột xuất.

- *Kế toán vật tư*: hạch toán và giám sát tình hình biến động vật tư, công cụ lao động, ghi chép và tổng hợp. Tham gia công tác kiểm kê vật tư định kỳ, đột xuất.

- *Kế toán công nợ*: thường xuyên theo dõi các khoản phải thu, phải trả và đối chiếu công nợ hàng tháng, quý và lập báo cáo kịp thời tình hình công nợ cho kế toán trưởng.

- *Thu quỹ*: thực hiện thu chi tiền mặt theo đúng quy định của công ty. Kiểm tra chứng từ và quản lý quỹ tiền mặt chặt chẽ, chịu trách nhiệm về thừa, thiếu, hư hỏng tại quỹ. Thực hiện nghiêm chế độ niêm phong và mở niêm phong tại kho quỹ.

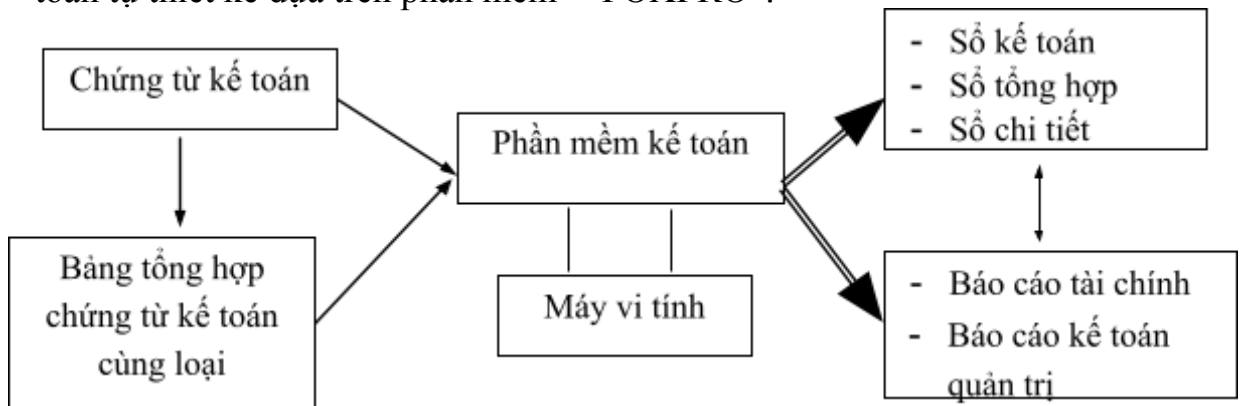
- *Kế toán xây dựng cơ bản*: nhận hồ luân chuyển của phòng kỹ thuật bàn giao gồm: hợp đồng và thanh lý hợp đồng, dự toán đã duyệt, biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành, nhật ký công trình,... để làm quyết toán công trình, thanh toán và theo dõi tình hình đầu tư XD CB của công ty.

- *Kế toán ngân hàng*: phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm tiền gửi ngân hàng, các khoản vay ngân hàng, vay mượn thanh toán công nợ, thu nộp thanh toán với ngân sách.

- *Thủ kho*: thực hiện nhập xuất vật tư theo đúng quy định của công ty. Kiểm tra các chứng từ và quản lý kho vật tư chặt chẽ, chịu trách nhiệm về thừa, thiếu, hư hỏng vật tư tại kho công ty.

### 1.5.3. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

Căn cứ vào đặc điểm loại hình kinh doanh, quy mô sản xuất tại công ty và điều kiện kế toán. Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán **“Chứng từ ghi sổ”** trong điều kiện áp dụng máy vi tính với phần mềm kế toán tự thiết kế dựa trên phần mềm “FOXPRO”.



**Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**

**Ghi chú:**

- : Nhập số liệu
- : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- > : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

#### □ Quy trình kế toán máy của Công ty

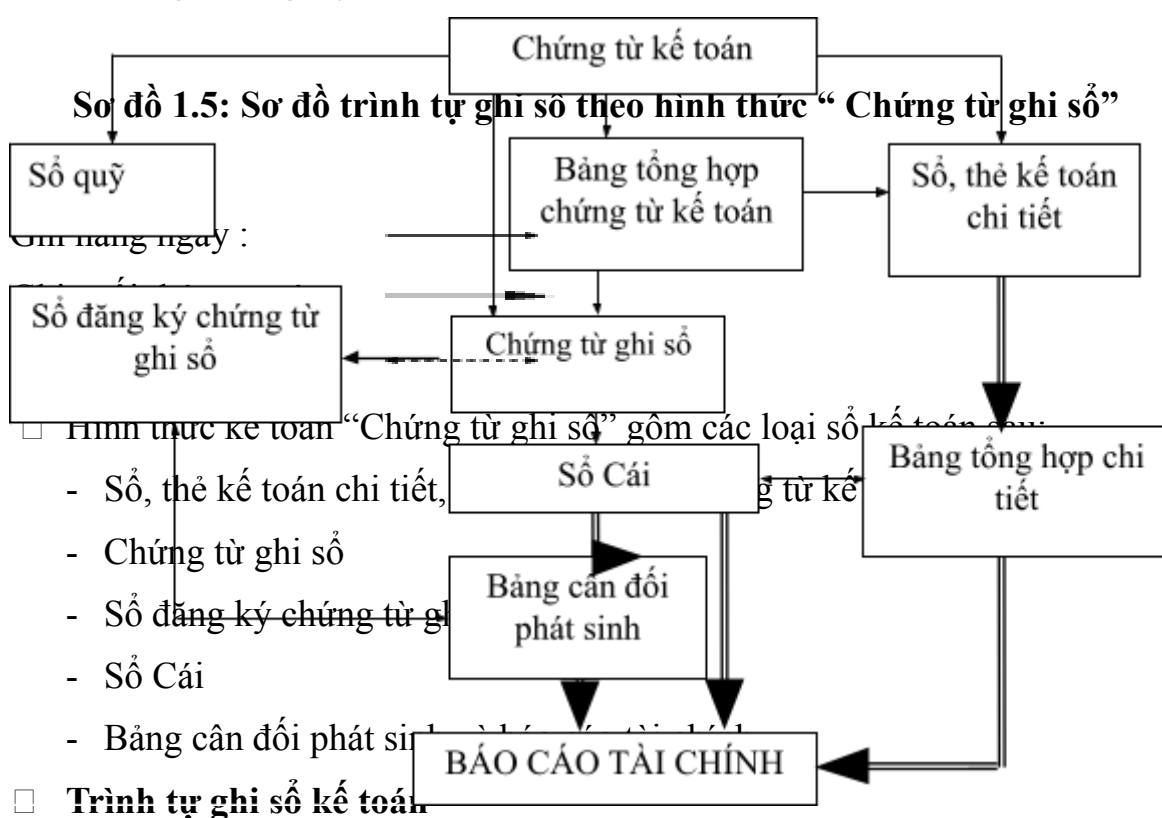
- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định TK ghi Nợ, TK ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu đã được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán các thông tin được nhập tự động vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng ( hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết) kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu

tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào CTGS để ghi vào sổ đăng ký CTGS, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ lập CTGS được dùng để ghi vào Sổ quỹ, thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký CTGS, tính ra tổng số nợ, tổng phát sinh có và số dư của từng TK trên sổ cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập bảng cân đối sổ phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập BCTC.

#### 1.5.4. Một số nội dung về chính sách kế toán tại Công ty

- Hệ thống tài khoản và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng hệ thống tài khoản và chế độ kế toán theo quyết định số: **15/2006/QĐ-BTC** ngày **20/03/2006** của **Bộ trưởng BTC**.

- Kỳ kế toán: kỳ kế toán theo quý
- Niên độ kế toán: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng
- Phương pháp tính thuế: theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá xuất kho: phương pháp bình quân cuối kỳ dự trữ.
- Phương pháp tính giá thành: theo phương pháp trực tiếp (hay phương pháp gián đơn).

## PHẦN 2

### THỰC HÀNH VỀ GHI SỔ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

#### 2.1. Thực trạng công tác kế toán tiền mặt tại Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định

Tiền mặt là tài sản của doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái giá trị để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

Tiền tại quỹ của doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý, kim khí quý. Mọi nghiệp vụ thu, chi bằng tiền mặt và việc bảo quản tiền mặt do thủ quỹ của doanh nghiệp thực hiện.

Khi phát sinh các nghiệp vụ thu tiền, căn cứ vào các hóa đơn, các giấy thanh toán tiền, kế toán thanh toán lập phiếu thu, sau khi được kế toán trưởng,

giám đốc ký duyệt phiếu thu, phiếu thu được chuyển cho thủ quỹ để kiểm nhận tiền và kế toán thanh toán sử dụng chứng từ để ghi sổ kế toán.

Khi phát sinh các nghiệp vụ chi tiền, căn cứ vào các chứng từ liên quan đến chi tiền hoặc lệnh chi tiền đã được giám đốc ký duyệt, kế toán thanh toán lập phiếu chi. Khi phiếu chi được kế toán trưởng, giám đốc ký duyệt thủ quỹ sẽ tiến hành chi tiền và kế toán thanh toán tiến hành tổ chức ghi sổ kế toán.

Kế toán tiền mặt cần phải phản ánh kịp thời các khoản thu, chi bằng tiền. Thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu thường xuyên với thủ quỹ để đảm bảo giám sát chặt chẽ tiền mặt. Ngoài ra tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục thanh toán tiền mặt, thông qua việc ghi chép tiền mặt, kế toán thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí xác định nguyên nhân và kiến nghị xử lý.

## 21.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng tại Công ty

### ❖ Chứng từ sử dụng

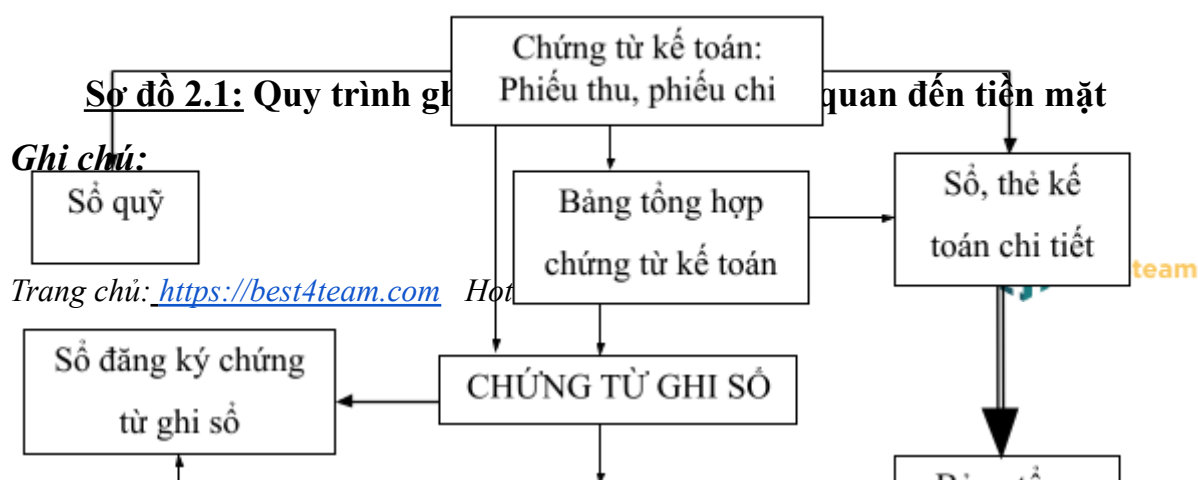
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác: giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tạm ứng,.....

### ❖ Tài khoản sử dụng: TK 111- Tiền Việt Nam

### ❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Bảng kê chi tiết thu, chi tiền mặt
- Chứng từ ghi sổ, sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái TK 111

### ❖ Quy trình ghi sổ



Ghi hàng ngày : \_\_\_\_\_

Ghi cuối tháng, quý: \_\_\_\_\_

Quan hệ đối chiếu: \_\_\_\_\_

❖ **Quy trình luân chuyển từ.**

**Tạo lập chứng từ:**

Công ty sử dụng phần mềm kế toán tự thiết kế dựa trên phần mềm FOXPRO để thực hiện công việc kế toán và kinh doanh. Chứng từ được lập theo mẫu của phần mềm theo đúng quy định của nhà nước. Tùy theo nội dung kinh tế, theo yêu cầu của việc quản lý hay các hợp đồng ... mà sử dụng một chứng từ thích hợp. Chứng từ được lập ra phải có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan.

**Kiểm tra chứng từ:**

Khi nhận được chứng từ kế toán phải kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, hợp lý của chứng từ. Các yếu tố phát sinh chứng từ, chữ ký của người có liên quan, tính chính xác của số liệu trên chứng từ. Chỉ sau khi chứng từ được kiểm tra nó mới được sử dụng làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

**Sử dụng chứng từ:**

Cho kế toán nghiệp vụ và ghi sổ kế toán, cung cấp nhanh thông tin cho bộ phận quản lý phân hành này:

+ Phân loại chứng từ theo từng loại tiền, tính chất, địa điểm phát sinh phù hợp với yêu cầu ghi sổ kế toán.

+ Lập định khoản và ghi sổ kế toán chứng từ đó.

- Trong kỳ hạch toán, chứng từ sau khi ghi sổ kế toán phải được bảo quản và có thể tái sử dụng để kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

**Lưu trữ chứng từ :**

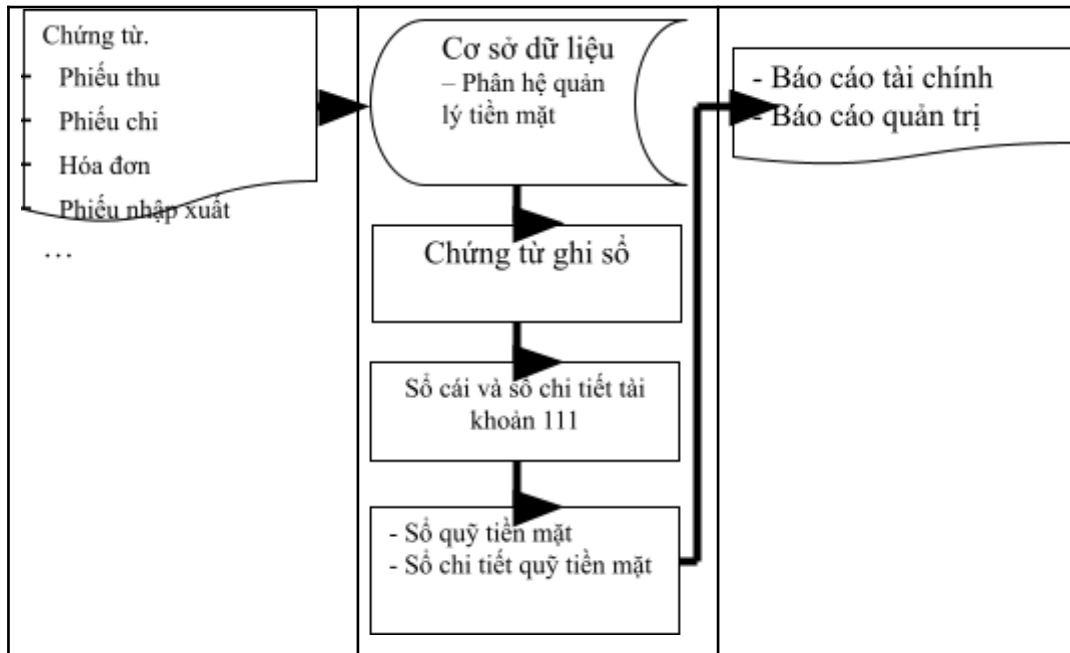
Chứng từ vừa là căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán, vừa là tài liệu lịch sử kinh tế của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi ghi sổ và kết thúc kỳ hạch toán, chứng từ được chuyển sang lưu trữ theo nguyên tắc.

- + Chứng từ không bị mất.
- + Khi cần có thể tìm lại được nhanh chóng.
- + Khi hết thời hạn lưu trữ, chứng từ sẽ được đưa ra hủy.
- **Phiếu thu:** Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng xét và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên. Thủ quỹ giữ 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu...Cuối ngày, toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán. Kế toán tổ chức bảo quản lưu trữ và hủy chứng từ khi đến thời hạn.
- **Phiếu chi:** Phiếu chi được lập thành 3 liên và chỉ sau khi có chữ ký (ký theo từng liên) người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc và thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền, người nhận tiền phải ghi đầy đủ số tiền đã nhận bằng chữ ký tên và ghi rõ họ tên vào phiếu chi: Liên 1 lưu ở nơi lập phiếu; liên 2 thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để vào sổ kế toán; liên 3 giao cho người nhận tiền. Kế toán tổ chức bảo quản và hủy chứng từ khi đến hạn.

### 2.3. Thực hành ghi sổ theo hình thức Công ty áp dụng

Từ chứng từ gốc là phiếu chi, phiếu thu căn cứ vào đó để nhập vào phần mềm kế toán, sau khi phần mềm xử lý kế toán in báo cáo đầu ra.

| Dữ liệu đầu vào | Xử lý | Báo cáo đầu ra |
|-----------------|-------|----------------|
|-----------------|-------|----------------|



**Sơ đồ 2.2: Mô hình kế toán tiền mặt trên phần mềm kế toán**

Sau đây là mẫu phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng của Công ty vào tháng 3 năm 2014

\* **Giấy đề nghị tạm ứng:** Ngày 01 tháng 03 năm 2014, Đào Văn Minh tạm ứng thi công công trình Khu Ghềnh Ráng ta có giấy đề nghị tạm ứng như sau:

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT  
NƯỚC BÌNH ĐỊNH  
XÍ NGHIỆP 1**

**Mẫu số: 03 - TT**  
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**  
*Ngày 01 tháng 03 năm 2014*

**Kính gửi:** Giám đốc Công ty  
Tên tôi là: Đào Văn Minh  
Địa chỉ: XÍ NGHIỆP 1  
Đề nghị cho tạm ứng số tiền: 60.000.000 đồng  
Viết bằng chữ: *Sáu mươi triệu đồng chẵn*  
Lý do tạm ứng: thi công công trình Khu Ghềnh Ráng

Thời gian thanh toán: Khi công trình thi công xong và quyết toán công trình

|                 |                       |                          |                                 |
|-----------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------------|
| <b>Giám đốc</b> | <b>Kế toán trưởng</b> | <b>Phụ trách bộ phận</b> | <b>Người đề nghị thanh toán</b> |
| (Ký, họ tên)    | (Ký, họ tên)          | (Ký, họ tên)             | (Ký, họ tên)                    |

- \* **Phiếu thu:** Ngày 05 tháng 03 năm 2014, Lê Thị Nguyệt nộp tiền nước tháng 2/2014, ta có phiếu thu số 1946 như sau:

Họ và tên người nộp tiền: **LÊ THỊ NGUYỆT**

Địa chỉ: 20 Trần Lương- Phường Nguyễn Văn Cừ- Tp Quy Nhơn

Lý do nộp: Tiền nước tháng 2/ 2014

Số tiền: 350.000 đồng

Viết bằng chữ: *(Hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn)*

Kèm theo: 01

Chứng từ gốc.

*Ngày 01 tháng 03 năm 2014*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *(hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn)*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

- \* **Phiếu chi:** Ngày 05 tháng 03 năm 2014, chi tạm ứng thi công công trình Khu Ghềnh Ráng, phiếu chi số 336 như sau:

|                                                                       |                 |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|
| Họ và tên người nộp tiền: Đào Văn Minh                                |                 |
| Địa chỉ: Xí Nghiệp 1                                                  |                 |
| Lý do chi: tạm ứng thi công công trình Khu Ghềnh Ráng                 |                 |
| Số tiền:                                                              | 60.000.000 đồng |
| Viết bằng chữ: <i>sáu mươi triệu đồng chẵn</i>                        |                 |
| Kèm theo: 01                                                          | Chứng từ gốc.   |
| <i>Ngày 01 tháng 03 năm 2014</i>                                      |                 |
| Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): <i>(sáu mươi triệu đồng chẵn)</i> |                 |
| + Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):                                |                 |
| + Số tiền quy đổi:                                                    |                 |
| (Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)                                     |                 |

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH****146 Lý Thái Tổ-TP Quy Nhơn****CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ: 01****( Ghi Nợ TK 1111)****Ngày 31 tháng 03 năm 2014****ĐVT: Đồng**

| <b>Chứng từ</b> |           | <b>TRÍCH YẾU</b>                                         | <b>Số hiệu TKĐƯ</b> |              | <b>Số tiền</b>  | <b>Ghi chú</b> |
|-----------------|-----------|----------------------------------------------------------|---------------------|--------------|-----------------|----------------|
| <b>SH</b>       | <b>NT</b> |                                                          | <b>Nợ</b>           | <b>Có</b>    |                 |                |
| PT1946          | 05/03     | Lê Thị Nguyệt, 20 Trần Lương nộp tiền nước tháng 02/2014 | 1111                | 131          | 350.000         |                |
| ....            | ....      | .....                                                    | ....                | ....         | .....           | ....           |
| PT1960          | 10/03     | Đặng Văn Hiếu, bắt mới HTCN GB42012                      | 1111                | 131          | 1.150.000       |                |
| ....            | ....      | ....                                                     | ....                | ....         | ....            | ....           |
| PT1966          | 16/03     | Châu Văn Thắng, 40 Hoàng Văn Thụ thu vi phạm             | 1111                | 711<br>33311 | 30.000<br>3.000 |                |
| ....            | ....      | ....                                                     | ....                | ....         | ....            | ...            |
| PT1972          | 21/03     | Phạm Thị Minh Nguyệt, thủ quỹ rút TGNH nhập quỹ          | 1111                | 1121         | 100.000.000     |                |
| ....            | ....      | .....                                                    | ....                | ....         | ....            | ....           |
| PT1986          | 28/03     | Phạm Thị Minh Nguyệt, thủ quỹ thu tiền điện thoại        | 1111                | 1388         | 500.000         |                |

|        |       |                                          |      |      |                                               |      |
|--------|-------|------------------------------------------|------|------|-----------------------------------------------|------|
|        |       | vượt các phòng ban<br>T2/2014            |      |      |                                               |      |
| ....   | ....  | ....                                     | .... | .... | ....                                          | .... |
| PT1995 | 31/03 | Nguyễn Thanh Nga, bắt<br>mới HTCN GB2156 | 1111 | 131  | 600.000                                       |      |
|        |       | <b><u>Cộng số phát sinh T3</u></b>       |      |      | <b><u>2.238.675.0</u></b><br><b><u>00</u></b> |      |

Kèm theo .... Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**146 Lý Thái Tổ-TP Quy Nhơn**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ Số: 02( Ghi Có TK 1111)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

DVT: Đồng

| Chứng từ |       | TRÍCH YẾU                                            | Số hiệu TKĐƯ |              | Số tiền              | Ghi chú |
|----------|-------|------------------------------------------------------|--------------|--------------|----------------------|---------|
| SH       | NT    |                                                      | Nợ           | Có           |                      |         |
| PC323    | 02/03 | Minh, mua xăng dầu ở<br>cửa hàng XD số 4             | 6277<br>1331 | 1111<br>1111 | 950.000<br>95.000    |         |
| PC336    | 05/03 | Chi tạm ứng thi công<br>công trình khu Ghềnh<br>Ráng | 141          | 1111         | 60.000.000           |         |
| ....     | ....  | ....                                                 | ....         | ....         | ....                 | ....    |
| PC342    | 15/03 | Tiến, mua NVL phụ                                    | 152<br>1331  | 1111<br>1111 | 9.000.000<br>90.000  |         |
| ....     | ....  | ....                                                 | ....         | ....         | ....                 | ....    |
| PC357    | 16/03 | Minh, XN1, mua nhiên<br>liệu PXSX                    | 6272<br>1331 | 1111<br>1111 | 2.450.000<br>245.000 |         |
| PC358    | 17/03 | Trả lương bảo vệ, tạp vụ<br>T2/2014                  | 3341         | 1111         | 15.500.000           |         |
| ....     | ....  | ....                                                 | ....         | ....         | ....                 | ....    |

|        |       |                                         |              |              |                      |      |
|--------|-------|-----------------------------------------|--------------|--------------|----------------------|------|
| PC371  | 22/03 | Nguyệt, thủ quỹ nộp tiền ngân hàng      | 1121         | 1111         | 600.000.000          |      |
| ....   | ....  | .....                                   | ....         | ....         | ....                 | .... |
| PC 388 | 29/03 | Lợi, tạm ứng đi công tác                | 141          | 1111         | 50.000.000           |      |
| ....   | ....  | ....                                    | ....         | ....         | ....                 | .... |
| PC395  | 31/03 | Sương, XNTN, nạp cạc điện thoại T2/2014 | 6272<br>1331 | 1111<br>1111 | 900.000<br>90.000    |      |
|        |       | <b>Cộng số phát sinh T3</b>             |              |              | <b>2.135.768.000</b> |      |

Kèm theo .... Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ: Sau khi có các Chứng Từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ.

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**146 Lý Thái Tổ-TP Quy Nhơn**

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

DVT: Đồng

| Chứng từ ghi sổ        |            | Số tiền              | Chứng từ ghi sổ        |            | Số tiền              |
|------------------------|------------|----------------------|------------------------|------------|----------------------|
| Số hiệu                | Ngày tháng |                      | Số hiệu                | Ngày tháng |                      |
| 01                     | 31/03/2014 | <b>2.238.675.000</b> | 02                     | 31/03/2014 | <b>2.135.768.000</b> |
| Cộng tháng 03/2014     |            | <b>2.238.675.000</b> | Cộng tháng 03/2014     |            | <b>2.135.768.000</b> |
| Cộng lũy kế từ đầu quý |            |                      | Cộng lũy kế từ đầu quý |            |                      |

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**146 Lý Thái Tổ-TP Quy Nhơn**

**SỔ CÁI (Tháng 03/ 2014)**

**Tên tài khoản:** Tiền mặt VNĐ – Số hiệu: 1111

**ĐVT:đồng**

| NT    | CTGS |       | Diễn giải                                                   | Số hiệu<br>TKĐƯ | Số tiền                  |       |
|-------|------|-------|-------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------|
|       | SH   | NT    |                                                             |                 | Nợ                       | Có    |
|       |      |       | <b>Số dư đầu tháng</b>                                      |                 | <b><u>15.754.768</u></b> |       |
| 31/03 | 01   | 31/03 | Lê Thị Nguyệt, 20 Trần Lương<br>nộp tiền nước tháng 02/2014 | 131             | 350.000                  |       |
|       |      |       | ....                                                        | ....            | .....                    | ..... |
|       |      |       | Đặng Văn Hiếu, bắt mới<br>HTCN GB42012                      | 131             | 1.150.000                |       |
|       |      |       | Châu Văn Thắng, 40 Hoàng<br>Văn Thụ thu vi phạm             | 711<br>33311    | 30.000<br>3.000          |       |
|       |      |       | ....                                                        | ....            | .....                    | ..... |
|       |      |       | Nguyễn Thanh Nga, bắt mới<br>HTCN GB2156                    | 131             | 600000                   |       |

|       |    |       |                                |      |                           |               |
|-------|----|-------|--------------------------------|------|---------------------------|---------------|
| 31/03 | 02 | 31/03 | Mình , mua xăng dầu ở cửa      | 6277 |                           | 950.000       |
|       |    |       | hàng XD số 4                   | 1331 |                           | 95.000        |
|       |    |       | ....                           | .... | ....                      | .....         |
|       |    |       | Mình, XN1,mua nhiên liệu       | 6272 |                           | 2.450.000     |
|       |    |       | PXSX                           | 1331 |                           | 2450.000      |
|       |    |       | ....                           | .... | ....                      | .....         |
|       |    |       | Sương ,XNTN, nạp các điện      | 6272 |                           | 900.000       |
|       |    |       | thoại T2/2014                  | 1331 |                           | 90.000        |
|       |    |       | Cộng số phát sinh              |      | 2.238.675.000             | 2.135.768.000 |
|       |    |       | <b><u>Số dư cuối tháng</u></b> |      | <b><u>118.661.768</u></b> |               |

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
**146 Lý Thái Tổ-TP Quy Nhơn**

**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**  
**Loại quỹ: Tiền mặt VNĐ**  
**Tháng 03/ 2014**

ĐVT: đồng

| NTGS  | NTCT  | SHCT  |       | Diễn giải                                                | Số tiền       |               |                          |
|-------|-------|-------|-------|----------------------------------------------------------|---------------|---------------|--------------------------|
|       |       | Thu   | Chi   |                                                          | Thu           | Chi           | Tồn                      |
|       |       |       |       | <b><u>Tồn quỹ TM đầu tháng</u></b>                       |               |               | <b><u>15.754.768</u></b> |
| 02/03 | 02/03 |       | 323   | Minh , mua xăng dầu ở cửa hàng XD số 4                   |               | 1.045.000     | 14.709.768               |
| 05/03 | 05/03 | 1946  |       | Lê Thị Nguyệt, 20 Trần Lương nộp tiền nước tháng 02/2014 | 350.000       |               | 15.059.768               |
| ..... | ..... | ..... | ..... | .....                                                    | .....         | .....         | .....                    |
| 10/03 | 10/03 | 1960  |       | Đặng Văn Hiếu, bắt mới HTCN GB42012                      | 1.150.000     |               | 365.987.768              |
| ..... | ..... | ..... | ..... | .....                                                    | .....         | .....         | .....                    |
| 21/03 | 21/03 | 1972  |       | Phạm Thị Minh Nguyệt, thủ quỹ rút TGNH nhập quỹ          | 100.000.000   |               | 467.498.701              |
| ..... | ..... | ..... | ..... | .....                                                    | .....         | .....         | .....                    |
| 29/03 | 29/03 |       | 388   | Lợi, tạm ứng đi công tác                                 |               | 50.000.000    | 235.406.024              |
| ..... | ..... | ..... | ..... | .....                                                    | .....         | .....         | .....                    |
| 30/03 | 30/03 |       | 395   | Sương, XNTN, nạp các điện thoại T2/2014                  |               | 990.000       | 118.061.768              |
| 31/03 | 31/03 | 1995  |       | Nguyễn Thanh Nga, bắt mới HTCN GB2156                    | 600.000       |               | 118.661.768              |
|       |       |       |       | Cộng phát sinh tháng 03/2014                             | 2.238.675.000 | 2.135.768.000 |                          |
|       |       |       |       | <b><u>Tồn quỹ TM cuối tháng</u></b>                      |               |               | <b>118.661.768</b>       |

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
**146 Lý Thái Tổ- Tp Quy Nhơn**

**SỔ CHI TIẾT TIỀN MẶT**  
**TK: 111- Tiền mặt VNĐ**  
**Tháng 03/ 2014 ĐVT: đồng**

| NTGS  | NTCT  | SHCT  |       | Diễn giải                                  | Số hiệu TKĐƯ | Số phát sinh  |                   | Số tồn             |
|-------|-------|-------|-------|--------------------------------------------|--------------|---------------|-------------------|--------------------|
|       |       | Thu   | Chi   |                                            |              | Nợ            | Có                |                    |
|       |       |       |       | <b>Số dư đầu kỳ</b>                        |              |               |                   | <b>15.754.768</b>  |
| 02/03 | 02/03 |       | 323   | Minh, mua xăng dầu ở cửa hàng XD số 4      | 6277<br>1331 |               | 950.000<br>95.000 |                    |
| 05/03 | 05/03 | 1946  |       | Lê Thị Nguyệt, nộp tiền nước tháng 02/2014 | 131          | 350.000       |                   |                    |
| ...   | ...   | ...   |       | .....                                      | ....         | .....         | .....             |                    |
| 10/03 | 10/03 | 1960  |       | Đặng Văn Hiếu, bắt mới HTCN GB42012        | 131          | 1.150.000     |                   |                    |
| ..... | ..... | ..... | ..... | .....                                      | ...          |               | .....             |                    |
| 21/03 | 21/03 | 1972  |       | Phạm Thị Minh Nguyệt, rút TGNH nhập quỹ    | 1121         | 100.000.000   |                   |                    |
| ...   | ...   | ...   |       | .....                                      | ....         | .....         | .....             | .....              |
| 31/03 | 31/03 | 1995  |       | Nguyễn Thanh Nga, bắt mới HTCN GB2156      | 131          | 600.000       |                   |                    |
|       |       |       |       | Cộng phát sinh tháng 03/2014               |              | 2.238.675.000 | 2.135.768.000     |                    |
|       |       |       |       | <b>Số dư cuối kỳ</b>                       |              |               |                   | <b>118.661.768</b> |

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH****146- Lý Thái Tổ- TP Quy Nhơn****BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI NỢ TK 1111****Tháng 03/2014****ĐVT: Đồng**

| Chứng từ |       | DIỄN GIẢI                                                      | Ghi Nợ TK 1111, Ghi Có TK khác |                    |                      |
|----------|-------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|----------------------|
| SH       | NT    |                                                                | TK 131                         | TK 1121            | Tổng cộng            |
| 1946     | 05/03 | Lê Thị Nguyệt, 20<br>Trần Lương nộp tiền<br>nước tháng 02/2014 | 350.000                        |                    | 350.000              |
| 1960     | 10/03 | Đặng Văn Hiếu, bắt<br>mới HTCN<br>GB42012                      | 1.150.000                      |                    | 1.150.000            |
| 1902     | 19/03 | Phạm Thị Minh<br>Nguyệt, thủ quỹ rút<br>TGNH nhập quỹ          |                                | 100.000.000        | 100.000.000          |
| ...      | ....  | ....                                                           | ....                           | ....               | ....                 |
|          |       | <b>Cộng số phát sinh<br/>tháng 03</b>                          | <b>6.440.500</b>               | <b>150.000.000</b> | <b>2.238.675.000</b> |

Người lập  
(ký họ, tên)

Kế toán trưởng  
(ký họ, tên)

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH****146- Lý Thái Tổ- TP Quy Nhơn****BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI CÓ TK 1111****Tháng 03/2014****ĐVT: Đồng**

| Chứng từ |       | DIỄN GIẢI                                           | Ghi Có TK 1111, Ghi Nợ TK khác |                  |                       |
|----------|-------|-----------------------------------------------------|--------------------------------|------------------|-----------------------|
| SH       | NT    |                                                     | TK 6277                        | TK 2412          | Tổng cộng             |
| 323      | 02/03 | Minh, mua xăng dầu<br>T2/2014 ở cửa hàng<br>XD số 4 | 950.000                        |                  | 950.000               |
|          |       |                                                     |                                |                  |                       |
| ...      | ....  | ....                                                | ....                           | ....             | ....                  |
|          |       | <b><u>Cộng số phát sinh<br/>tháng 03</u></b>        | <b>920.000</b>                 | <b>5.457.000</b> | <b>2.135.768.0000</b> |

Người lập  
(ký họ, tên)

Kế toán trưởng  
(ký họ, tên)

## 22.4. Thực hành ghi sổ theo các hình thức còn lại

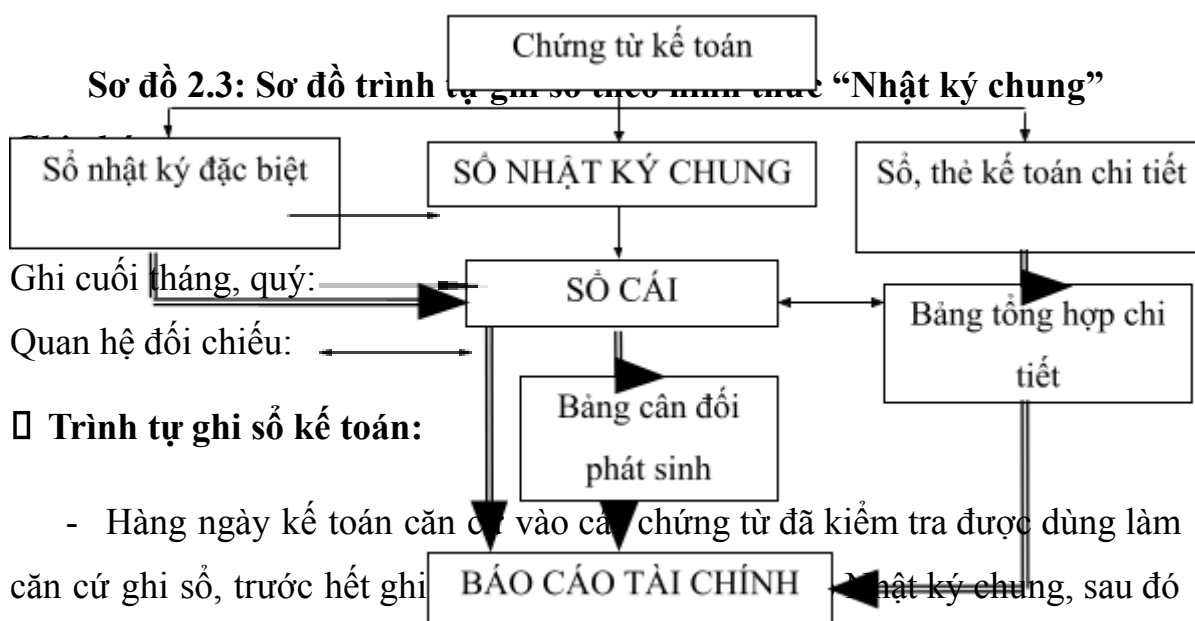
### 22.4.1. Hình thức “Nhật ký chung”

#### 22.4.1.1. Quy trình ghi sổ của hình thức “Nhật ký chung”

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh đều ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ.

Hình thức này gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái
- Các sổ thẻ, kế toán chi tiết



- Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi **BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị có mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ

Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3,5,10...ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt( nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

#### 22.4.1.2. Thực hành ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung”

### **CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

#### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Tháng 03/2014**

Trang số: 01  
ĐVT: đồng

| NT<br>GS | Chứng từ |       | Diễn giải                                   | Đã<br>ghi<br>sổ<br>cái | STT<br>dòng | Số<br>hiệu<br>TKĐ<br>U' | Số phát sinh         |                      |
|----------|----------|-------|---------------------------------------------|------------------------|-------------|-------------------------|----------------------|----------------------|
|          | SH       | NT    |                                             |                        |             |                         | Nợ                   | Có                   |
|          |          |       | <b>Số trang trước<br/>chuyển sang</b>       |                        |             |                         |                      |                      |
| 02/03    | PC323    | 02/03 | Minh, mua xăng dầu<br>ở cửa hàng XD số 4    | R                      | 1           | 6277                    | 950.000              | 1.045.000            |
|          |          |       |                                             |                        | 2           | 1331                    | 95.000               |                      |
|          |          |       |                                             |                        | 3           | 1111                    |                      |                      |
| 05/03    | PT1946   | 05/03 | Lê Thị Nguyệt<br>nộp tiền nước<br>T2/2014   | R                      | 4           | 1111                    | 350.000              | 350.000              |
|          |          |       |                                             |                        | 5           | 131                     |                      |                      |
| ....     | ....     | ....  | ....                                        | ....                   | ....        | ....                    | ....                 | ....                 |
| 10/03    | PT1960   | 10/03 | Đặng Văn Hiếu, bắt<br>mới HTCN<br>GB42012   | R                      | 35          | 1111                    | 1.150.000            | 1.150.000            |
|          |          |       |                                             |                        | 36          | 131                     |                      |                      |
| ....     | ....     | ....  | ....                                        | ....                   | ....        | ....                    | ....                 | ....                 |
| 16/03    | PC 357   | 16/03 | Minh, PX1, mua<br>nhiên liệu PXSX           | R                      | 46          | 6272                    | 2.450.000            | 2.695.000            |
|          |          |       |                                             |                        | 47          | 1331                    | 245.000              |                      |
|          |          |       |                                             |                        | 49          | 1111                    |                      |                      |
| ....     | ....     | ....  | ....                                        | ....                   | ....        | ....                    | ....                 | ....                 |
| 31/03    | PT1995   | 31/03 | Nguyễn Thanh<br>Nga, bắt mới HTCN<br>GB2156 | R                      | 309         | 131                     | 600.000              | 600.000              |
|          |          |       |                                             |                        | 310         | 1111                    |                      |                      |
|          |          |       | <b>Cộng phát sinh<br/>T03</b>               |                        |             |                         | <b>4.374.443.000</b> | <b>4.374.443.000</b> |

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
**SỔ CÁI**

TK: 1111- Tiền mặt VNĐ

Tháng 03/2014

ĐVT: đồng

| NT<br>GS | Chứng từ |       | Diễn giải                                  | NKC      |          | Số<br>hiệu<br>TKĐ<br>U | Số phát sinh      |                      |
|----------|----------|-------|--------------------------------------------|----------|----------|------------------------|-------------------|----------------------|
|          | SH       | NT    |                                            | Trang    | Dòng     |                        | Nợ                | Có                   |
|          |          |       | <b>Số dư đầu tháng</b>                     |          |          |                        | <b>15.754.768</b> |                      |
| 02/03    | PC323    | 02/03 | Mình,mua xăng<br>dầu ở cửa hàng XD<br>số 4 | 01<br>01 | 1<br>2   | 6277<br>1331           |                   | 950.000<br>95.000    |
| 05/03    | PT1946   | 05/03 | Lê Thị Nguyệt nộp<br>tiền nước T2/2014     | 01       | 5        | 131                    | 350.000           |                      |
| ....     | ....     | ....  | .....                                      | ....     | ....     | ....                   | .....             | .....                |
| 10/03    | PT1960   | 10/03 | Đặng Văn<br>Hiếu,bắt mới<br>HTCN GB42012   | 01       | 35       | 131                    | 1.150.000         |                      |
| ....     | ....     | ....  | .....                                      | ....     | ....     | ....                   | .....             | .....                |
| 16/03    | PC357    | 16/03 | Mình,PX1, mua<br>nhiên liệu PXSX           | 01<br>01 | 46<br>47 | 6272<br>1331           |                   | 2.450.000<br>245.000 |
| ....     | ....     | ....  | .....                                      | ....     | ....     | ....                   | .....             | .....                |
| 31/03    | PC 1995  | 31/03 | Nguyễn Thanh<br>Nga bắt mới<br>HTCN BG2156 | 01       | 309      | 6272                   | 600.000           |                      |
|          |          |       | <b>Cộng phát sinh<br/>T03</b>              |          |          |                        | 2.238.675.000     | 2.135.768.000        |
|          |          |       | <b>Số dư cuối tháng</b>                    |          |          |                        |                   | <b>118.661.768</b>   |

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

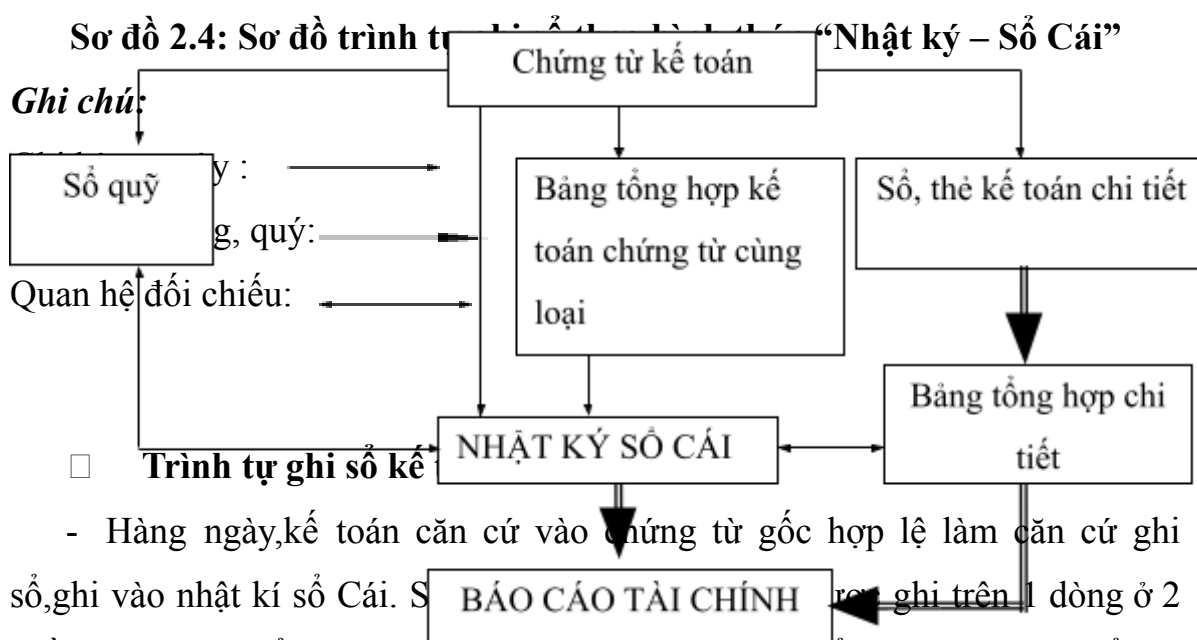
**2.4.2. Hình thức “Nhật ký – Sổ Cái”****2.4.2.1. Quy trình ghi sổ của hình thức “Nhật ký – Sổ Cái”**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi

vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.



- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc hợp lệ làm căn cứ ghi sổ, ghi vào nhật ký sổ Cái. Sổ nhật ký sổ Cái ghi trên 1 dòng ở 2 phần nhật ký và sổ Cái. Chứng từ sau khi ghi nhật ký-sổ Cái được dùng để ghi vào sổ, thẻ chi tiết có liên quan.

- Cuối kì, sau khi phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ nhật ký-sổ Cái và các sổ, thẻ, kế toán tiến hành cộng các số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và cột Nợ, cột Có của tài khoản ở phần sổ Cái để ghi vào dòng “cộng phát sinh cuối kì”. Căn cứ vào số phát sinh cuối kì trước và đầu kì này tính ra số phát sinh lũy kế đầu kì đến cuối kì này. Căn cứ vào số dư đầu kì và số phát sinh trong kì, kế toán tính ra số dư cuối kì của từng tài khoản trên Nhật ký- sổ Cái.

- Sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng khóa sổ vào cuối kì và tiến hành lập bảng tổng hợp chi tiết cho từng tài khoản.

Số liệu trên Nhật kí-sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra đối chiếu để lập báo cáo tài chính.

#### **2.4.2.2. Thực hành ghi sổ theo hình thức “Nhật ký –Sổ cái”**

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
**146 Lý Thái Tổ - TP Quy Nhơn**

**NHẬT KÝ – SỔ CÁI**  
**Tháng 03/ 2014**

ĐVT: đồng

| Chứng từ   |       | Diễn giải                                  | Số tiền<br>phát sinh | TK1111     |           | TK131 |           | TK711 |     | TK3331 |     | TK6277    |     | 1331    |     |
|------------|-------|--------------------------------------------|----------------------|------------|-----------|-------|-----------|-------|-----|--------|-----|-----------|-----|---------|-----|
| SH         | NT    |                                            |                      | Nợ         | Có        | Nợ    | Có        | Nợ    | Có  | Nợ     | Có  | Nợ        | Có  | Nợ      | Có  |
|            |       |                                            |                      | 15.754.768 |           |       |           |       |     |        |     |           |     |         |     |
| PC<br>323  | 02/03 | Mình,mua xăng<br>dầu ở cửa hàng<br>XD số 4 | 1.045.000            |            | 1.045.000 |       |           |       |     |        |     | 950.000   |     | 95.000  |     |
| PT<br>1946 | 05/03 | Lê Minh Nguyệt<br>nộp tiền nước<br>T7/2013 | 350.000              | 350.000    |           |       | 350.000   |       |     |        |     |           |     |         |     |
| .....      | ..... | .....                                      | .....                | .....      | .....     | ..... | .....     | ..... | ... | ...    | ... | ...       | ... | ...     | ... |
| PT<br>1960 | 10/03 | Đặng Văn Hiếu,<br>bắt mới HTCN<br>GB42012  | 1.150.000            | 1.150.000  |           |       | 1.150.000 |       |     |        |     |           |     |         |     |
| PC<br>357  | 16/03 | Mình,PX1,mua<br>nhiên liệu PXSX            | 2.695.000            |            | 2.695.000 |       |           |       |     |        |     | 2.450.000 |     | 245.000 |     |
|            |       | <b>Cộng phát sinh<br/>T03</b>              |                      |            |           |       |           |       |     |        |     |           |     |         |     |
|            |       | <b>Số dư cuối<br/>tháng</b>                |                      |            |           |       |           |       |     |        |     |           |     |         |     |

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
**NHẬT KÝ – SỔ CÁI (tiếp theo)**  
**Tháng 03/ 2014**

DVT: đồng

| Chứng từ |       | Diễn giải                             | Số tiền phát sinh | TK1111                 |                      | TK1121      |       | TK6428    |       | ..... | TK141 |            | ..... |
|----------|-------|---------------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------|-------------|-------|-----------|-------|-------|-------|------------|-------|
| SH       | NT    |                                       |                   | Nợ                     | Có                   | Nợ          | Có    | Nợ        | Có    | ....  | Nợ    | Có         | ....  |
|          |       |                                       |                   | <u>Số dư đầu tháng</u> |                      |             |       |           |       |       |       |            |       |
|          |       |                                       |                   | <b>15.754.768</b>      |                      |             |       |           |       |       |       |            |       |
| .....    | ..... | .....                                 | .....             | .....                  | .....                | .....       | ..... | .....     | ....  | ....  | ..... | .....      | ..... |
| PC 359   | 18/03 | Hiếu, KTTC, chi tiếp khách            | 2.004.000         |                        | 2.004.000            |             |       | 2.004.000 |       |       |       |            |       |
| PC360    | 21/03 | Nguyệt, thủ quỹ nộp tiền ngân hàng    | 750.000.000       |                        | 750.000.000          | 750.000.000 |       |           |       |       |       |            |       |
| .....    | ..... | .....                                 | .....             | .....                  | .....                | .....       | ..... | .....     | ..... | ..... | ..... | .....      | ..... |
| PT 1977  | 23/03 | Hiện, hoàn ứng tiền chuẩn bị hội nghị | 10.000.000        | 10.000.000             |                      |             |       |           |       |       |       | 10.000.000 |       |
| .....    | ..... | .....                                 | .....             |                        | .....                | .....       | ..... | .....     |       | ..... | ..... | .....      | ..... |
|          |       | <b>Cộng phát sinh T03</b>             |                   | <b>2.238.675.000</b>   | <b>2.135.768.000</b> |             |       |           |       |       |       |            |       |
|          |       | <b><u>Số dư cuối tháng</u></b>        |                   | <b>118.661.768</b>     |                      |             |       |           |       |       |       |            |       |



## 2.5. Kế toán Tiền gửi ngân hàng tại Công ty

### 2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- + Giấy báo nợ, Giấy báo có, bảng sao kê của Ngân hàng
- + Các chứng từ khác như : Séc chuyển khoản, Séc định mức, Séc bảo chi, Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi.

### 2.5.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng

#### □ Tài khoản sử dụng:

Hạch toán TGNH được thực hiện trên tài khoản 112- TGNH. Kết cấu và nội dung tài khoản như sau:

- **Bên Nợ:** Các khoản tiền gửi vào Ngân hàng
- **Bên Có:** Các khoản tiền rút ra từ Ngân hàng
- **Dư Nợ:** Số tiền hiện còn gửi tại ngân hàng

Tài khoản 112 được mở 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1121 – Tiền Việt Nam
- Tài khoản 1122 – Ngoại tệ
- Tài khoản 1123 – Vàng bạc, kim khí, đá quý

#### □ Sổ sách sử dụng:

Sổ chi tiết tiền gửi các ngân hàng

Sổ tiền gửi

Sổ cái TK 112

### 2.5.3. Quy trình ghi sổ

Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán tiền gửi ngân hàng kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán với số liệu trên chứng từ gốc hoặc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì kế toán đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Nếu cuối tháng chưa xác định rõ nguyên nhân thì sẽ ghi sổ theo số liệu trên giấy báo hoặc bản sao kê của

ngân hàng. Sang tháng sau tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân để điều chỉnh số liệu đã ghi sổ.

Sổ phụ ngân hàng, giấy báo Nợ, báo Có... là chứng từ kế toán dùng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế vào sổ sách kế toán cũng như làm cơ sở để đối chiếu với ngân hàng khi có phát sinh chênh lệch. Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến ngân hàng, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán phân hành liên hệ ngân hàng để làm thủ tục. Định kỳ cuối mỗi tháng tiến hành đối chiếu số dư với ngân hàng để kịp thời phát hiện chênh lệch để điều chỉnh.

#### 2.5.4. Trình tự ghi sổ

Hằng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình TGNH, Công ty thường sử dụng các chứng từ sau:

|                                                                                           |  |                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------|
| <b>ỦY NHIỆM THU</b>                                                                       |  | Mẫu số C4-01/KB                 |
| <b>Số: 302</b>                                                                            |  |                                 |
| <i>Ngày 14 tháng 03 năm 2014</i>                                                          |  | Liên: 1                         |
| Tên đơn vị bán hàng: <b>Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định</b>                         |  |                                 |
| Số tài khoản: 4300201002835                                                               |  |                                 |
| Tại ngân hàng: <b>NÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH ĐỊNH</b> Tỉnh, TP: Bình Định                      |  |                                 |
| Đơn vị mua hàng: <b>NGAN HANG TM CP QUAN DOI CN BD</b>                                    |  |                                 |
| Số tài khoản: 4300111000001                                                               |  |                                 |
| Tại Kho bạc nhà nước, Ngân hàng: <b>NÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH ĐỊNH</b><br>Tỉnh, TP: Bình Định |  |                                 |
| Hợp đồng số (hay đơn đặt hàng)                                                            |  | Ngày 01 tháng 02 năm 2006       |
| Số lượng từng loại chứng từ kèm theo: 04 hóa đơn tiền nước                                |  |                                 |
| Số tiền chuyển (bằng chữ): (Một triệu bảy trăm tám mươi một ngàn đồng chẵn)               |  |                                 |
|                                                                                           |  | Bằng số: <b>1.781.0000 đồng</b> |
| Số ngày trả chậm:                                                                         |  |                                 |
| Số tiền chuyển (bằng chữ):                                                                |  | Bằng số:                        |

Tổng số tiền chuyển (bằng chữ): *(Một triệu bảy trăm tám mươi một ngàn đồng chẵn)*      Bảng số: **1.781.000**

**ĐƠN VỊ BÁN**

(Ký tên đóng dấu)

Mẫu ủy nhiệm chi:

**Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn** số: ..... Liên 2:

**AGRIBANK**

Số bút toán:.....

Chi nhánh: .....

Loại tiền:.....

**ỦY NHIỆM CHI**

Ngày 18 Tháng 03 Năm 2014

Đơn vị trả tiền : **Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định**

Số tài khoản: 4300201002835      điện thoại:

Tại ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bình Định

Đơn vị thụ hưởng: **Điện lực Hoài Ân**

CMT/hộ chiếu:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Điện thoại:

Số tài khoản: 4308201001610

Tại ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hoài Ân Bình Định

Số tiền bằng số: **7.892.994.000**

Số tiền bằng chữ: *( Bảy triệu tám trăm chín mươi hai ngàn, chín trăm chín mươi bốn đồng chẵn).*

Nội dung: Thanh toán tiền điện tháng 2/ 2014 trạm bơm Hoài Ân xí nghiệp 2.

Đơn vị trả tiền

ngân hàng A

ngân hàng B

**CỤC THUẾ BÌNH ĐỊNH**

Mẫu số: 02GTTT3/001

Kí hiệu: 41AB/12P

**HÓA ĐƠN BÁN HÀNG**

(Liên 2: Giao khách hàng)

Ngày 13 tháng 3 năm 2014

Đơn vị bán hàng: .....

Địa chỉ: .....

Số tài khoản: ..... MS:.....

Điện thoại :..... MST: .....

Họ tên người mua:

Tên đơn vị :**Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Định.**

Địa chỉ: 146 Lý Thái Tổ- TP Quy Nhơn.

Mã số thuế: 4100258955

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Tài khoản:.....

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền |
|-----|-----------------------|-----|----------|-----------|------------|
| 1   | Đầu chống nhiễu       | Cái | 20       | 10.000    | 200.000    |
| 2   | Mainboard G31         | Cái | 01       | 1.270.000 | 1.270.000  |
| 3   | Mực sặc máy in        | Hộp | 01       | 100.000   | 100.000    |
| 4   | RubanLQ 300           | Cái | 10       | 120.000   | 1.200.000  |
| 5   | Mực in HP12A          | Hộp | 12       | 780.000   | 9.360.000  |
| 6   | Cáp đầu kim           | Cái | 01       | 1.250.000 | 1.250.000  |
| 7   | Đầu kim LQ300         | Cái | 01       | 1.050.000 | 1.050.000  |
| 8   | Mực photocopy 450i    | Hộp | 01       | 350.000   | 350.000    |

|                                         |                  |     |    |        |                   |
|-----------------------------------------|------------------|-----|----|--------|-------------------|
| 9                                       | Cable máy in USB | Sợi | 01 | 50.000 | 50.000            |
| <b>Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ:</b> |                  |     |    |        | <b>14.830.000</b> |

Số tiền viết bằng chữ: (*Mười bốn triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng*).

**Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào các chứng từ gốc nhận được như trên, kế toán ngân hàng tiến hành lập **Sổ chi tiết tài khoản 1121NNBD**. Những nghiệp vụ kế toán cùng loại được ghi chi tiết trong cùng một bảng. Đồng thời, căn cứ vào bảng chi tiết tài khoản 1121NNBD đó kế toán tiến hành lập **CTGS**. Các CTGS được đánh số hiệu trùng với sổ chi tiết tài khoản 1121NNBD để tiện cho việc theo dõi, đối chiếu. Căn cứ vào CTGS để ghi vào **sổ Đăng ký CTGS**, sau đó được dùng để ghi vào **Sổ Cái**.

**CT TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
**PHÒNG KẾ TOÁN- TÀI CHÍNH**

**Mẫu số S08a-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN: 1121NNBD**  
**THÁNG 03/2014**

| NTGS       | SHCT |             | Diễn giải                                       | Tài khoản |           | Số tiền     |            | Tồn                       |
|------------|------|-------------|-------------------------------------------------|-----------|-----------|-------------|------------|---------------------------|
|            | THU  | CHI         |                                                 | Nợ        | Có        | Nợ          | Có         |                           |
|            |      |             | <b>Số dư đầu kỳ</b>                             |           |           |             |            | <b><u>252.687.080</u></b> |
| 01/03/2014 |      | UNC<br>0135 | Thanh toán lương xn1 tháng<br>2/2014            | 3341.XN1  | 1121.NNBD |             | 97.596.990 |                           |
| 05/03/2014 | 290  |             | Thủ quỹ nộp tiền ngân hàng                      | 1121.NNBD | 1111      | 250.000.000 |            |                           |
| ...        | ...  | ...         | ...                                             | ...       | ...       | ...         | ...        | ...                       |
| 18/03/2014 |      | DIEN<br>XN2 | Điện lực Hoài ân – tt tiền điện<br>tháng 2/2014 | 331.XN2   | 1121.NNBD |             | 440.300    |                           |
| 20/03/2014 | 302  |             | Ngân hàng chính sách xh bđ –<br>Tiền nước       | 1121.NNBD | 131       | 405.300     |            |                           |
| ...        | ...  | ...         | ...                                             | ...       | ...       | ...         | ...        | ...                       |
| 23/03/2014 | 307  |             | Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Định –<br>Tiền nước   | 1121.NNBD | 131       | 2.023.000   |            |                           |

|            |       |             |                                                   |          |           |                    |                    |                           |
|------------|-------|-------------|---------------------------------------------------|----------|-----------|--------------------|--------------------|---------------------------|
| 24/03/2014 |       | UNC<br>0136 | Cty TNHH Bảo Châu – tt tiền mua<br>máy tính PN 59 | 331      | 1121.NNBD |                    | 16.450.000         |                           |
| .....      | ..... | .....       | .....                                             | .....    | .....     | .....              | .....              |                           |
| 29/03/2014 | 312   |             | Ngân hàng tm cp quân đội cn bđ<br>– Tiền nước     | 1121NNBD | 131       | 1.235.000          |                    |                           |
| 31/03/2014 | LAI   |             | Nh nông nghiệp bđ – lãi không<br>kỳ hạn           | 1121NNBD | 515.NH    | 708.000            |                    |                           |
|            |       |             | <b><u>Cộng số phát sinh tháng 03</u></b>          |          |           | <b>565.047.500</b> | <b>332.234.180</b> |                           |
|            |       |             | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>                       |          |           |                    |                    | <b><u>485.500.400</u></b> |

Xác nhận ngân hàng

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2014  
GIÁM ĐỐC

**CT TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
**146- LÝ THÁI TỔ-TP QUY NHƠN**  
**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số:01

Ngày 01 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

| Chứng từ |            | Trích yếu                                  | Số hiệu TKĐƯ |       | Số tiền                   | Ghi chú |
|----------|------------|--------------------------------------------|--------------|-------|---------------------------|---------|
| SH       | NT         |                                            | Nợ           | Có    |                           |         |
| A        | B          | C                                          | 1            | 2     | 3                         | 4       |
| 290      | 05/03/2014 | Thủ quỹ nộp tiền ngân hàng                 | 1121.NNBD    | 1111  | 250.000.000               |         |
| ...      | ...        | ...                                        | ...          | ...   | ...                       | ...     |
| 302      | 20/03/2014 | Ngân hàng chính sách xh bđ – Tiền nước     | 1121.NNBD    | 131   | 405.300                   |         |
| ...      | ...        | ...                                        | ...          | ...   | ...                       | ...     |
| 307      | 23/03/2014 | Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Định – Tiền nước | 1121.NNBD    | 131   | 2.023.000                 |         |
| ...      | ...        | ...                                        | ...          | ...   | ...                       | ...     |
| 312      | 29/03/2014 | Ngân hàng tm cp quân đội cn bđ – Tiền nước | 1121.NNBD    | 131   | 1.235.000                 |         |
| LAI      | 31/03/2014 | Nhà Nông nghiệp bđ – lãi không kỳ hạn      | 1121.NNBD    | 515NH | 708.000                   |         |
|          |            | <b>Cộng phát sinh tháng 08</b>             |              |       | <b><u>565.047.500</u></b> |         |

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

**Người lập**  
**(Ký, họ tên)**

**Kế toán trưởng**  
**(Ký, họ tên)**

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**146- LÝ THÁI TỔ - TP QUY NHƠN**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số:02

Ngày 01 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

| Chứng từ    |            | Trích yếu                                      | Số hiệu TKĐƯ |              | Số tiền            | Ghi chú |
|-------------|------------|------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------------|---------|
| SH          | NT         |                                                | Nợ           | Có           |                    |         |
| A           | B          | C                                              | 1            | 2            | 3                  | 4       |
| UNC<br>0135 | 01/03/2014 | Thanh toán lương xn1 tháng 2/2014              | 3341<br>XN1  | 1121<br>NNBD | 97.596.990         |         |
| ...         | ...        | ...                                            | ...          | ...          | ...                | ...     |
| DIEN<br>XN2 | 18/03/2014 | Điện lực Hoài ân – tt tiền điện tháng 2/2014   | 331<br>XN2   | 1121<br>NNBD | 440.300            |         |
| ...         | ...        | ...                                            | ...          | ...          | ...                | ...     |
| UNC<br>0136 | 24/03/2014 | Cty TNHH Bảo Châu – tt tiền mua máy tính PN 59 | 331          | 1121<br>NNBD | 16.450.000         |         |
| .....       | .....      | .....                                          | .....        | .....        | .....              | .....   |
|             |            | <b><u>Cộng phát sinh tháng 03</u></b>          |              |              | <b>332.234.180</b> |         |

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

**Người lập****Kế toán trưởng****(Ký, họ tên)****(Ký, họ tên)****Căn cứ vào các CTGS vừa được lập ta lên sổ Đăng kí CTGS và Sổ Cái****CT TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH****146- LÝ THÁI TỔ - TP QUY NHƠN****SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

| <b>Chứng từ ghi sổ</b>        |                   | <b>SỐ TIỀN</b>     | <b>Chứng từ ghi sổ</b>        |                   | <b>SỐ TIỀN</b>     |
|-------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------|--------------------|
| <b>Số hiệu</b>                | <b>Ngày tháng</b> |                    | <b>Số hiệu</b>                | <b>Ngày tháng</b> |                    |
| A                             | B                 | 1                  | A                             | B                 | 1                  |
| 01                            | 31/03/2014        | 565.046.500        | 02                            | 31/03/2014        | 332.500.400        |
| .....                         | .....             | .....              |                               |                   |                    |
| <b>Cộng tháng</b>             |                   | <b>565.046.500</b> | <b>Cộng tháng</b>             |                   | <b>332.500.400</b> |
| <b>Cộng lũy kế từ đầu quý</b> |                   | <b>565.046.500</b> | <b>Cộng lũy kế từ đầu quý</b> |                   | <b>332.500.400</b> |

Ngày mở sổ: 31/03/2014

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

**Người lập sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc****(Ký, họ tên)****(Ký, họ tên)****(Ký, họ tên)**



**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

146- LÝ THÁI TỔ - TP QUY NHƠN

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tên tài khoản: **Tiền gửi ngân hàng \_ Tiền VNĐ**Số hiệu: **1121.NNBD**

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày<br>tháng<br>ghi sổ | Chứng từ ghi<br>sổ |               | Diễn giải                              | Số hiệu<br>TKĐƯ | Số tiền                   |     | Ghi<br>chú |
|-------------------------|--------------------|---------------|----------------------------------------|-----------------|---------------------------|-----|------------|
|                         | Số<br>hiệu         | Ngày<br>tháng |                                        |                 | Nợ                        | Có  |            |
| A                       | B                  | C             | D                                      | 1               | 2                         | 3   | 4          |
|                         |                    |               | <b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>             |                 | <b><u>252.687.080</u></b> |     |            |
| 31/03                   | 01                 | 31/03         | Thủ quỹ nộp tiền ngân hàng             | 1111            | 250.000.000               |     |            |
|                         |                    |               | ...                                    | ...             | ...                       | ... | ...        |
|                         |                    |               | Ngân hàng chính sách xh bđ – Tiền nước | 131             | 405.300                   |     |            |
|                         |                    |               | ...                                    | ...             | ...                       | ... | ...        |

|       |    |       |                                                |           |                    |                    |     |
|-------|----|-------|------------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|-----|
|       |    |       | Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Định – Tiền nước     | 131       | 2.023.000          |                    |     |
|       |    |       | ...                                            | ...       | ...                | ...                | ... |
|       |    |       | Ngân hàng tm cp quân đội cn bđ – Tiền nước     | 131       | 1.235.000          |                    |     |
|       |    |       | Nh Nông nghiệp bđ – lãi không kỳ hạn           | 515<br>NH | 708.000            |                    |     |
| 31/03 | 02 | 31/03 | Thanh toán lương xn1 tháng 2/2014              | 3341 XN1  |                    | 97.596.990         |     |
|       |    |       | ...                                            | ...       | ...                | ...                | ... |
|       |    |       | Điện lực Hoài ân – tt tiền điện tháng 2/2014   | 331 XN2   |                    | 440.300            |     |
|       |    |       | ...                                            | ...       | ...                | ...                | ... |
|       |    |       | Cty TNHH Bảo Châu – tt tiền mua máy tính PN 59 | 331       |                    | 16.450.000         |     |
|       |    |       | .....                                          | .....     |                    | .....              |     |
|       |    |       | <b><u>Cộng phát sinh trong tháng 03</u></b>    |           | <b>565.046.500</b> | <b>332.500.400</b> |     |
|       |    |       | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>                    |           | <b>485.500.400</b> |                    |     |

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

**Người lập sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)



Đồng thời căn cứ vào các giấy báo nợ, phiếu chi, lập bảng kê chứng từ cho tiền gửi ngân hàng

## **CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**146- Lý Thái Tổ- TP Quy Nhơn**

### **BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI NỢ TK 1121**

**Tháng 03/2014**

**ĐVT: Đồng**

| Chứng từ |       | DIỄN GIẢI                                 | Ghi Nợ TK 1121, ghi Có TK khác |                  |            |                    |
|----------|-------|-------------------------------------------|--------------------------------|------------------|------------|--------------------|
| SH       | NT    |                                           | TK 1111                        | TK 131           | ...        | <b>Tổng cộng</b>   |
| 290      | 05/03 | Thủ quỹ nộp tiền vào ngân hàng            | 250.000.000                    |                  | ...        | 250.000.000        |
| ...      | ...   | ...                                       | ...                            | ...              | ...        | ...                |
| 302      | 20/03 | Ngân hàng chính sách xh bđ- Tiền nước     |                                | 405.300          | ...        | 405.300            |
| ...      | ...   | ...                                       | ...                            | ...              | ...        | ...                |
| 307      | 23/03 | Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Định- Tiền nước |                                | 2.203.000        | ...        | 2.203.000          |
| ...      | ...   | ...                                       | ...                            | ...              | ...        | ...                |
| 312      | 28/03 | Ngân hàng tm cp quân đội cn bđ- Tiền nước |                                | 1.235.000        | ...        | 1.235.000          |
| ...      | ...   | ...                                       | ...                            | ...              | ...        | ...                |
|          |       | <b>Cộng số phát sinh tháng 03</b>         | <b>250.000.000</b>             | <b>4.423.000</b> | <b>...</b> | <b>565.046.500</b> |

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH****146- Lý Thái Tổ- TP Quy Nhơn****BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI CÓ TK 1121****Tháng 03/2014****ĐVT:Đồng**

| <b>Chứng từ</b> |           | <b>DIỄN GIẢI</b>                             | <b>Ghi Nợ TK khác, Ghi Có TK 1121</b> |                         |               |            |                    |
|-----------------|-----------|----------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------|---------------|------------|--------------------|
| <b>SH</b>       | <b>NT</b> |                                              | <b>TK 3341-<br/>xn1</b>               | <b>TK 1331-<br/>xn2</b> | <b>TK 331</b> | <b>...</b> | <b>Tổng cộng</b>   |
| UNC<br>0135     | 01/03     | Thanh toán lương xn1- tháng 2/2013           | 97.596.990                            |                         |               | ...        | 97.596.990         |
| DIEN<br>XN2     | 18/03     | Điện lực Hoài Ân- tt tiền điện 7/2013        |                                       | 440.300                 |               | ...        | 440.300            |
| UNC<br>0136     | 24/03     | Cty TNHH Bảo Châu tt tiền mua máy tính PN 59 |                                       |                         | 16.450.00     | ...        | 16.450.000         |
| ...             | ...       | ...                                          | ...                                   | ...                     | ...           | ...        | ...                |
|                 |           | <b>Cộng số phát sinh tháng 03</b>            | 97.596.990                            | 440.300                 | 16.450.00     | ...        | <b>332.234.180</b> |

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

## 2.6. Thực hành ghi sổ theo các hình thức còn lại

### 2.6.1 Hình thức “Nhật ký chung”

#### 2.6.1.2. Thực hành ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung”

### CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 03/2014

Trang số: 01

ĐVT: đồng

| NT<br>GS | Chứng từ    |       | Diễn giải                                           | Đã<br>ghi<br>sổ<br>cái | STT<br>dòng | Số<br>hiệu<br>TKĐ<br>Ư | Số phát sinh       |                    |
|----------|-------------|-------|-----------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------|--------------------|
|          | SH          | NT    |                                                     |                        |             |                        | Nợ                 | Có                 |
|          |             |       | <u>Số trang trước</u><br><u>chuyển sang</u>         |                        |             |                        |                    |                    |
| 01/03    | UNC<br>0135 | 01/03 | Thanh toán lương<br>xnl tháng 2/2014                | R                      | 1<br>2      | 3341<br>1121           | 97.596.990         | 97.596.990         |
| 05/03    | PT290       | 05/03 | Thủ quỹ nộp tiền<br>ngân hàng                       | R                      | 3<br>4      | 1121<br>1111           | 250.000.000        | 250.000.000        |
| ....     | ....        | ....  | .....                                               | ....                   | ....        | ....                   | .....              | .....              |
| 18/03    | DIEN<br>XN2 | 18/03 | Điện lực Hoài ân –<br>tt tiền điện tháng<br>2/2014  | R                      | 45<br>46    | 331<br>1121            | 440.300            | 440.300            |
| 20/03    | PT302       | 20/03 | Ngân hàng chính<br>sách xh bđ – Tiền<br>nước        | R                      | 47<br>48    | 1121<br>131            | 405.300            | 405.300            |
| ....     | ....        | ....  | .....                                               | ....                   | ....        | ....                   | .....              | .....              |
| 24/03    | UNC<br>0136 | 24/03 | Cty TNHH Bảo Châu<br>–tt tiền mua máy<br>tính PN 59 | R                      | 67<br>68    | 331<br>1121            | 16.450.000         | 16.450.000         |
| ....     | ....        | ....  | .....                                               | ....                   | ....        | ....                   | .....              | .....              |
| 31/03    | LAI         | 31/03 | Nh nnghiệp bđ–lãi<br>không kỳ hạn                   | R                      | 87<br>88    | 1121<br>515            | 708.000            | 708.000            |
|          |             |       | <u>Cộng phát sinh</u><br><u>T03</u>                 |                        |             |                        | <b>897.281.680</b> | <b>897.281.680</b> |

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
**SỔ CÁI**

**TK: 1111- Tiền mặt VNĐ**

**Tháng 03/2014**

ĐVT: đồng

| NT<br>GS | Chứng từ    |       | Diễn giải                                           | NKC   |      | Số<br>hiệu<br>TKĐ<br>Ư | Số phát sinh              |                    |
|----------|-------------|-------|-----------------------------------------------------|-------|------|------------------------|---------------------------|--------------------|
|          | SH          | NT    |                                                     | Trang | Dòng |                        | Nợ                        | Có                 |
|          |             |       | <b>Số dư đầu tháng</b>                              |       |      |                        | <b><u>252.687.080</u></b> |                    |
| 01/03    | UNC<br>0135 | 01/03 | Thanh toán lương<br>xn1 tháng 2/2014                | 01    | 1    | 3341                   |                           | 97.596.990         |
| 05/03    | PT290       | 05/03 | Thủ quỹ nộp tiền<br>ngân hàng                       | 01    | 4    | 1111                   | 250.000.000               |                    |
| ....     | ....        | ....  | .....                                               | ....  | .... | ....                   | .....                     | .....              |
| 18/03    | DIEN<br>XN2 | 18/03 | Điện lực Hoài ân<br>– tt tiền điện<br>tháng 2/2014  | 01    | 45   | 331                    |                           | 440.300            |
| 20/03    | PT302       | 20/03 | Ngân hàng chính<br>sách xh bđ – Tiền<br>nước        | 01    | 48   | 131                    | 405.300                   |                    |
| ....     | ....        | ....  | .....                                               | ....  | .... | ....                   | .....                     | .....              |
| 24/03    | UNC<br>0136 | 24/03 | Cty TNHH Bảo<br>Châu –tt tiền mua<br>máy tính PN 59 | 01    | 67   | 331                    |                           | 16.450.000         |
| ....     | ....        | ....  | .....                                               | ....  | .... | ....                   | .....                     | .....              |
| 31/03    | LAI         | 31/03 | Nh nghiệp<br>bđ–lãi không kỳ<br>hạn                 | 01    | 88   | 515                    | 708.000                   | 708.000            |
|          |             |       | <b>Cộng phát sinh<br/>T03</b>                       |       |      |                        | <b>565.046.500</b>        | <b>332.500.400</b> |
|          |             |       | <b>Số dư cuối tháng</b>                             |       |      |                        | <b><u>485.500.400</u></b> |                    |

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

## 2.6.2. Hình thức “Nhật ký – Sổ Cái”

### 2.6.2.1. Thực hành ghi sổ theo hình thức “Nhật ký – Sổ cái”

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
**146 Lý Thái Tổ - TP Quy Nhơn**

### **NHẬT KÝ – SỔ CÁI** **Tháng 03/ 2014**

DVT: đồng

| Chứng từ |       | Diễn giải                                    | Số tiền phát sinh | TK1121             |            | TK111 |             | TK131 |         | TK331   |     | TK334      |     |
|----------|-------|----------------------------------------------|-------------------|--------------------|------------|-------|-------------|-------|---------|---------|-----|------------|-----|
| SH       | NT    |                                              |                   | Nợ                 | Có         | Nợ    | Có          | Nợ    | Có      | Nợ      | Có  | Nợ         | Có  |
|          |       | Số dư đầu tháng                              |                   | <u>252.687.080</u> |            |       |             |       |         |         |     |            |     |
| UNC 0135 | 01/03 | Thanh toán lương xn1 tháng 2/2014            | 97.596.990        |                    | 97.596.990 |       |             |       |         |         |     | 97.596.990 |     |
| PT290    | 05/03 | Thủ quỹ nộp tiền ngân hàng                   | 250.000.000       | 250.000.000        |            |       | 250.000.000 |       |         |         |     |            |     |
| .....    | ..... | .....                                        | .....             | .....              | .....      | ..... | .....       | ..... | ...     | ...     | ... | ...        | ... |
| DIEN XN2 | 18/03 | Điện lực Hoài ân – tt tiền điện tháng 2/2014 | 440.300           |                    | 440.300    |       |             |       |         | 440.300 |     |            |     |
| PT302    | 20/03 | Ngân hàng chính sách xh bđ – Tiền nước       | 405.300           | 405.300            |            |       |             |       | 405.300 |         |     |            |     |

|  |  |                    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  | Cộng phát sinh T03 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Số dư cuối tháng   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

NHẬT KÝ – SỔ CÁI (tiếp theo)

Tháng 03/ 2014

ĐVT: đồng

| Chứng từ    |       | Diễn giải                                            | Số tiền phát sinh | TK1121             |            | TK131 |           | TK331      |       | ..... | TK515 |         | ....  |
|-------------|-------|------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|------------|-------|-----------|------------|-------|-------|-------|---------|-------|
| SH          | NT    |                                                      |                   | Nợ                 | Có         | Nợ    | Có        | Nợ         | Có    | ....  | Nợ    | Có      | ....  |
|             |       |                                                      |                   | Số dư đầu tháng    |            |       |           |            |       |       |       |         |       |
|             |       |                                                      |                   | <u>252.687.080</u> |            |       |           |            |       |       |       |         |       |
| .....       | ..... | .....                                                | .....             | .....              | .....      | ..... | .....     | .....      | ..... | ..... | ..... | .....   | ..... |
| PT<br>307   | 23/03 | Bảo hiểm xã hội tỉnh<br>Bình Định – Tiền nước        | 2.023.000         | 2.023.000          |            |       | 2.023.000 |            |       |       |       |         |       |
| UNC<br>0136 | 24/03 | Cty TNHH Bảo Châu – tt<br>tiền mua máy tính PN<br>59 | 16.450.000        |                    | 16.450.000 |       |           | 16.450.000 |       |       |       |         |       |
| .....       | ..... | .....                                                | .....             | .....              | .....      | ..... | .....     | .....      | ..... | ..... | ..... | .....   | ..... |
| PT          | 23/03 | Nh nông nghiệp bđ – lãi<br>không kỳ hạn              | 708.000           | 708.000            |            |       |           |            |       |       |       | 708.000 |       |

|      |  |                                |  |                           |                    |  |  |  |  |  |  |  |  |
|------|--|--------------------------------|--|---------------------------|--------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 1977 |  |                                |  |                           |                    |  |  |  |  |  |  |  |  |
|      |  | <b>Cộng phát sinh T03</b>      |  | <b>565.047.500</b>        | <b>332.234.180</b> |  |  |  |  |  |  |  |  |
|      |  | <b><u>Số dư cuối tháng</u></b> |  | <b><u>485.500.400</u></b> |                    |  |  |  |  |  |  |  |  |

### PHẦN 3

## MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VỀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH VÀ CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN CÒN LẠI

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cấp thoát nước Bình Định, em đã được tiếp xúc với thực tế công tác hạch toán kế toán trong công ty, củng cố thêm những kiến thức đã được trang bị ở nhà trường. Qua làm quen với thực tế cùng với vốn kiến thức có được trong những năm ở nhà trường em xin đưa ra một số nhận xét về ưu điểm cũng như tồn tại của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tiền mặt của công ty như sau:

### **3.1. Một số đánh giá, nhận xét khái quát về công tác kế toán của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định**

Với quy luật phát triển của nền kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung cũng như Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định nói riêng phải tự đổi mới chính mình. Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định qua quá trình thành lập và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đã và đang trở thành một doanh nghiệp trưởng thành về nhiều mặt: hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng đa dạng, không chỉ bó hẹp trong hai hoạt động sản xuất nước và xây lắp mà công ty đang trong quá trình thành lập ban quản lý dự án, chất lượng nước ngày càng được nâng cao để từng bước đáp ứng nhu cầu trên thị trường. Công ty đã tự khẳng định được vị trí, vai trò của mình và ngày càng nâng cao uy tín của công ty trên thị trường.

Những thành quả này có được là do công ty đã luôn chú trọng đến công tác quản lý, trong đó có công tác kế toán. Cùng với sự chuyển đổi về chất cũng như về lượng của các hoạt động trong công ty, công tác kế

toán không ngừng được hoàn thiện, đáp ứng tương đối đầy đủ yêu cầu quản lý của công ty, giúp cho việc hạch toán kế toán được chính xác hợp lý.

✓ Hệ thống tài khoản kế toán: Công ty đã áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.

✓ Bộ máy kế toán: Công ty đang tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức kế toán tập trung, mô hình này phù hợp với thực tế tại Công ty vì nó tạo ra sự tập trung về mặt địa lý của công ty và công việc. Tất cả chứng từ kế toán đều được chuyển về phòng kế toán của công ty do vậy việc hạch toán trở nên nhanh chóng và dễ dàng cho việc kiểm soát hoạt động hạch toán của Công ty. Trong công tác tài chính kế toán, công ty đảm bảo thực hiện tốt các nguyên tắc, chế độ do nhà nước quản lý.

✓ Quản lý chứng từ và ghi chép định khoản:

Việc quản lý chứng từ gốc như các loại hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất kho... đều được kiểm duyệt, luân chuyển theo đúng quy định có đầy đủ chữ ký xác nhận và được bảo quản cất giữ. Ngoài ra việc phân loại sắp xếp các chứng từ gốc được tiến hành một cách khoa học, hợp lý. Do đó rất thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu.

Ghi chép định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thường xuyên và theo đúng quy định của Bộ Tài Chính. Các khoản doanh thu và chi phí được phản ánh rõ ràng.

✓ Hình thức kế toán: Công ty chọn hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ kết hợp với xử lý số liệu bằng máy vi tính rất phù hợp với quy mô, địa bàn hoạt động. Từ nhập số liệu, chỉnh lý, ghi sổ kế toán chi tiết - tổng hợp cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đến

tổng hợp báo cáo số liệu kế toán, đều được tập trung ở phòng kế toán, đều được xử lý bằng máy vi tính. Do đó đảm bảo được sự tập trung thống nhất chặt chẽ, đảm bảo được việc tiết kiệm công sức cho nhân viên nhưng mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp cho nhân viên kế toán cung cấp thông tin nhanh chóng, nâng cao chất lượng kinh tế.

✓ Tổ chức công tác kế toán ở Công ty là phù hợp với quy mô và đặc điểm của hình thức sản xuất. Bộ máy kế toán rất gọn nhẹ với việc phân công lao động cụ thể, trách nhiệm, nhiệm vụ cho từng cán bộ kế toán. Mọi phần hành của công tác kế toán đều có người theo dõi, thực hiện đầy đủ đúng nội quy. Đội ngũ quản lý Công ty nói chung và bộ phận kế toán nói riêng luôn năng động sáng tạo, có trình độ kiến thức để xây dựng một mô hình quản lý kinh tế, chủ động trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

✓ Trình độ chuyên môn của nhân viên phòng kế toán khá tốt, bố trí phù hợp với năng lực của từng người, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Phòng kế toán có các nhân viên có năng lực nghiệp vụ chuyên môn cao, năng động trong công việc, được phân công phụ trách một số công việc cụ thể, việc hạch toán ban đầu về kiểm tra chứng từ một cách hợp pháp, hợp lệ, được tiến hành cẩn thận, chính xác có căn cứ hợp lý tránh được sự sai sót của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các nhân viên kế toán đều tập trung vào một phòng kế toán nên thuận lợi cho việc luân chuyển chứng từ kịp thời. Môi trường làm việc có khoa học tạo điều kiện xử lý số liệu nhanh chóng, kịp thời, nhịp nhàng, trôi chảy.

Với một lực lượng nhân viên hành chính đã qua đào tạo có hệ thống ở các trường Đại học, Cao đẳng thì việc nâng cao bổ sung kiến thức mới cho công ty có nhiều điều kiện thuận lợi hơn so với lực lượng

lao động có trình độ thấp. Họ nhạy bén trước sự thay đổi của thị trường, luôn chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng kinh doanh có hiệu quả.

### **3.2. Nhận xét về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định**

#### **3.2.1. Ưu điểm**

Vốn bằng tiền là một trong những yếu tố quan trọng đối với doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở phân tích vốn bằng tiền của Công ty, ta có thể nhận thấy rằng:

✓ Công ty đã xây dựng được bộ máy kế toán phù hợp với công ty, việc quản lý hạch toán vốn bằng tiền đảm bảo phản ánh chính xác vào các sổ có liên quan. Tình hình luân chuyển chứng từ theo hình thức chứng từ ghi sổ đúng chế độ kế toán hiện hành.

✓ Qua quá trình tổ chức các nghiệp vụ kế toán vốn bằng tiền, mọi nghiệp vụ kế toán phát sinh đều giải quyết nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

✓ Trình độ của cán bộ kế toán có năng lực quản lý, phản ánh ghi chép một cách chính xác, trung thực, khách quan và tuân thủ đúng chế độ quy định.

#### **3.2.2. Nhược điểm**

Do đơn vị chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một kế hoạch thanh toán tiền công nợ thống nhất nên dẫn đến tình trạng số tiền mặt có tại quỹ của đơn vị không ổn định, có lúc quá ít có lúc quá nhiều. Điều này dễ gây nên những khó khăn cho Công ty trong việc chi tiêu tiền mặt phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc gây ứ đọng quá nhiều tiền làm vòng quay của vốn bị chậm lại.

Hiện nay công ty đang tiến hành lập chứng từ ghi sổ vào cuối quý để ghi sổ cái. Vì vậy công việc của phòng kế toán tập trung dồn vào cuối

mỗi quý trong khi ở thời điểm giữa quý công việc không nhiều. Điều đó dẫn đến công việc kế toán không được dàn đều vào hàng tháng. Việc tổng hợp và xử lý số liệu vào cuối mỗi quý là rất lớn làm cho việc lập báo cáo kế toán tài chính để cung cấp thông tin bị chậm trễ. Mặt khác, sức ép của việc xử lý và cung cấp thông tin sẽ dễ dẫn đến sai sót trong công việc kế toán.

### **3.3. Nhận xét về hình thức kế toán áp dụng tại Công ty và các hình thức kế toán còn lại**

#### **3.3.1. Hình thức kế toán “chứng từ ghi sổ”**

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”, hình thức này rất phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty và điều kiện kế toán máy. Hình thức này có ưu và nhược điểm sau:

##### *Ưu điểm*

Hình thức ghi sổ mà công ty đang áp dụng đó là hình thức “Chứng từ ghi sổ”. Qua thời gian thực tập tại công ty em thấy rằng hình thức này là phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và từ đó tạo điều kiện cho công tác kế toán tại đơn vị đạt hiệu quả cao.

✓ Hình thức này ghi chép đơn giản, kết cấu dễ ghi, dễ đối chiếu số liệu, từ đó làm tăng hiệu quả của công tác kế toán.

✓ Hình thức “chứng từ ghi sổ” cho phép quản lý từng khoản mục liên quan đến các phần hành kế toán một cách chặt chẽ. Điều này là phù hợp với quy mô của công ty. Khi có nhiều nghiệp vụ phát sinh nhưng lại liên quan đến nhiều phần hành kế toán khác nhau. Do đó hình thức “chứng từ ghi sổ” là hình thức phù hợp nhất để quản lý toàn bộ các sổ sách này một cách có hệ thống, dễ kiểm tra và đối chiếu khi cần thiết.

✓ Việc áp dụng hình thức “chứng từ ghi sổ” thích hợp với việc áp dụng công tác kế toán trên máy vi tính của công ty.

### *Nhược điểm*

✓ Việc áp dụng hình thức này đòi hỏi các kế toán phải có trình độ để có thể xử lý số liệu một cách chính xác và cần phải chuyên môn hóa trong công tác kế toán.

✓ Số nghiệp vụ nhiều, nhiều đến mức phải phân loại nghiệp vụ kinh tế cùng loại, vì vậy phải tập hợp chứng từ cùng loại vào bảng kê, hoặc từ chứng từ cùng loại vào CTGS.

✓ Kế toán trưởng phải đối chiếu khớp đúng số liệu giữa CTGS với CTGS khác do các đồng nghiệp khác, ở phần hành kế toán khác lập trước khi ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và ghi vào sổ cái.

### **3.3.2. Hình thức kế toán “ Nhật ký chung ”**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán của nghiệp vụ đó). Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Theo hình thức này trong điều kiện kế toán thủ công phù hợp với loại hình doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, loại hình hoạt động giản đơn, có điều kiện phân công lao động kế toán.

Trong điều kiện kế toán máy thì phù hợp với mọi loại hình, mọi quy mô hoạt động. Hình thức này có những ưu và nhược điểm sau:

#### *Ưu điểm:*

✓ Rõ ràng, dễ hiểu, mẫu sổ đơn giản nên rất thuận lợi cho việc kiểm tra đối chiếu toán.

✓ Đối với các doanh nghiệp áp dụng phần mềm kế toán thì việc sử dụng loại sổ đơn giản sẽ làm cho nhập và xử lý số liệu nhanh chóng và chính xác hơn.

#### *Nhược điểm:*

✓ Trong quá trình ghi chép còn phát sinh trùng lặp nếu như không xác định rõ căn cứ chứng từ gốc để lập định khoản khi ghi vào Nhật ký chung.

✓ Việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày theo thời gian và không có sự phân loại chứng từ nên việc ghi lên Sổ Cái khó khăn hơn.

✓ Đối với những Công ty lớn có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh thì việc ghi sổ theo hình thức này sẽ không khoa học. Vì vậy, hình thức này chủ yếu áp dụng trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### **3.3.3. Hình thức kế toán “Nhật ký – Sổ Cái”**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán “Nhật ký – Sổ Cái”: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức này được sử dụng ở các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, loại hình hoạt động giản đơn, có ít nghiệp vụ kinh tế phát sinh, sử dụng ít tài khoản kế toán, có ít lao động kế toán, trình độ kế toán không cao. Những ưu và nhược điểm của hình thức này:

*Ưu điểm:*

✓ Hạch toán theo hình thức này rất đơn giản, số lượng sổ ít, số liệu kế toán tập trung, cho biết cả hai chỉ tiêu thời gian và phân loại đối tượng.

✓ Cuối kỳ, không cần lập Bảng cân đối tài khoản để kiểm tra tính chính của việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế, tài chính vì có thể kiểm tra ngay tại dòng tổng cộng cuối tháng, cuối quý của Nhật ký- Sổ Cái.

*Nhược điểm:*

✓ Tổng số tiền phát sinh và số tiền đối ứng ghi trên các tài khoản quan hệ đối ứng được ghi trên cùng một dòng vì vậy phải kê ngang sổ nên khuôn sổ công kềng khó bảo quản trong niên độ.

✓ Đối với những doanh nghiệp lớn, có nhiều nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh thì không thể áp dụng hình thức này vì việc ghi chép trở nên dài dòng, phức tạp và khó khăn trong việc kiểm tra.

### **3.4. Một số giải pháp góp phần nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định**

Qua thời gian kiến tập ở Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định, em xin đề xuất đóng góp một vài ý kiến mong muốn góp phần hoàn thiện thêm công tác kế toán tại công ty.

✓ Công ty cần trang bị thêm máy vi tính cho phòng kế toán đồng thời phải tổ chức đào tạo để nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán về chương trình kế toán máy nhằm quản lý chính xác được các con số. Bên cạnh đó Công ty cũng cần phải xây dựng một chương trình kế toán thống nhất trên máy vi tính nhằm tự động hoá ở mức độ cao nhất công tác hạch toán nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền nói riêng.

✓ Để đảm bảo kịp thời công tác hạch toán kế toán, yêu cầu đặt ra là làm sao giảm bớt khối lượng công việc kế toán vào cuối quý, hạn chế những sai sót trong quá trình tổng hợp, xử lý thông tin kế toán và cung cấp kịp thời chứng từ kế toán. Muốn vậy, theo em công ty cần có quy định hàng tháng phải lập chứng từ ghi sổ một lần nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

✓ Khi tiến hành bán hàng hóa cần kiểm tra tình hình sản tài chính của khách hàng để giảm khoản rủi ro không thu được tiền.

✓ Về công tác kế toán, Công ty áp dụng đúng đắn các quy định của chế độ kế toán hiện hành như: tổ chức và kiểm tra công tác kế toán, hệ thống sổ sách kế toán, lưu trữ chứng từ,... cũng như phù hợp với thực tiễn kinh doanh tại Công ty. Các báo cáo kế toán phản ánh khá chính xác và thực tế tình hình kế toán tài chính tại Công ty, cung cấp thông tin kịp thời, giúp xây dựng những phương án kinh doanh có hiệu quả trong tương lai.

✓ Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Khi tiến hành kiểm kê phải tiến hành kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ và khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa thiếu, phải báo cáo giám đốc doanh nghiệp xem xét và giải quyết.

✓ Công ty nên quan hệ chặt chẽ với Ngân hàng để vay vốn đền bù. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào các dự án huy động vốn. Phối hợp với các ban ngành chức năng của Thành Phố để đẩy mạnh tiến độ đầu tư kỹ thuật hạ tầng thiết yếu như: cấp điện, cấp nước, chấn chỉnh thật tốt để làm công tác dịch vụ hỗ trợ đầu tư

## KẾT LUẬN

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng, mục đích chính là sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, cuối cùng là hướng tới lợi nhuận đây là vấn đề nan giải mà tất cả các doanh nghiệp, công ty đều quan tâm đến. Để giải quyết được vấn đề này bắt buộc sản phẩm làm ra phải đảm bảo chất lượng, để vừa hướng tới lợi nhuận vừa được đứng vững trên thị trường thì đây là việc không phải dễ dàng. Do đó đòi hỏi sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty để hoàn thiện và nâng cao công tác quản lý cũng như việc tổ chức sản xuất của Công ty. Việc hoàn thiện công tác kế toán tiền mặt là một yêu cầu tất yếu của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp càng hoàn thiện công tác hạch toán của mình càng thể hiện một phần thành công trong kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định em đã học hỏi và nắm bắt được những kinh nghiệm những kiến thức thực tế về chuyên ngành kế toán.

Trên đây là toàn bộ báo cáo thực tập của em tại Công Ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định. Để có được kết quả này, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hướng dẫn tận tình của cô Lê Thị Thanh Mỹ, cùng sự giúp đỡ và tạo điều kiện của cán bộ, nhân viên Phòng Kế toán - tài chính của công ty.

Do hạn chế về mặt thực tế, thời gian thực tập ngắn, vốn kiến thức còn hạn hẹp nên báo cáo này của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong được sự đóng góp ý kiến của các Thầy(Cô) giáo. Em xin chân thành cảm ơn!

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 7 năm 2014

Sinh viên thực hiện

**Hồ trung Kiên**

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình tổ chức hạch toán kế toán của trường Đại học kinh tế quốc dân, xuất bản năm 2006
2. Hệ thống tài khoản kế toán (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).
3. PGS-TS Nguyễn Văn Công (2006), Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

## MỤC LỤC

|                                                                                                                         |   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| LỜI MỞ ĐẦU                                                                                                              | 1 |
| PHẦN 1 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH<br>MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH                            | 3 |
| <b>1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV<br/>Cấp Thoát Nước Bình Định</b>                        | 3 |
| 1.1.1. Tên, địa chỉ công ty                                                                                             | 3 |
| 1.1.2. Thời điểm thành lập, các mốc quan trọng                                                                          | 3 |
| 1.1.3. Quy mô hiện tại của công ty                                                                                      | 5 |
| 1.1.4. Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cấp thoát<br>nước Bình Định, đóng góp vào ngân sách qua các năm gần đây. | 5 |
| <b>1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV cấp thoát<br/>nước Bình Định.</b>                                    | 7 |
| 1.2.1. Chức năng của công ty                                                                                            | 7 |
| 1.2.2. Nhiệm vụ của công ty                                                                                             | 7 |
| <b>1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH<br/>MTV Cấp thoát nước Bình Định</b>                    | 8 |

|                                                                                                       |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1.3.1. Loại hình kinh doanh và các loại hàng hóa, dịch vụ chủ yếu mà công ty đang kinh doanh          | 8         |
| 1.3.2. Thị trường đầu ra và đầu vào của Công ty                                                       | 8         |
| 1.3.3. Vốn kinh doanh của Công ty                                                                     | 9         |
| 1.3.4. Đặc điểm của các nguồn lực chủ yếu của công ty.                                                | 9         |
| 1.3.4.1. Tình hình sử dụng lao động                                                                   | 9         |
| 1.3.4.1. Tài sản cố định                                                                              | 10        |
| <b>1.4. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của Công ty</b>                       | <b>11</b> |
| 1.4.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh                                                           | 11        |
| 1.4.1.1. Quy trình công nghệ sản xuất                                                                 | 11        |
| 1.4.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh                                                           | 12        |
| 1.4.2. Đặc điểm tổ chức quản lý                                                                       | 12        |
| <b>1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty</b>                                                      | <b>15</b> |
| 1.5.1. Mô hình tổ chức kế toán tại Công ty                                                            | 15        |
| 1.5.2. Bộ máy kế toán của Công ty                                                                     | 15        |
| 1.5.3. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty                                                          | 17        |
| 1.5.4. Một số nội dung về chính sách kế toán tại Công ty                                              | 19        |
| <b>PHẦN 2 THỰC HÀNH VỀ GHI SỔ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH</b> | <b>20</b> |
| <b>2.1. Thực trạng công tác kế toán tiền mặt tại Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định</b>        | <b>20</b> |
| <b>2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng tại Công ty</b>                                        | <b>20</b> |
| <b>2.3. Thực hành ghi sổ theo hình thức Công ty áp dụng</b>                                           | <b>23</b> |
| <b>2.4. Thực hành ghi sổ theo các hình thức còn lại</b>                                               | <b>35</b> |
| 2.4.1. Hình thức “Nhật ký chung”                                                                      | 35        |
| 2.4.1.1. Quy trình ghi sổ của hình thức “Nhật ký chung”                                               | 35        |

|                                                                                                                                                  |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.4.1.2. Thực hành ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung”                                                                                         | 37        |
| 2.4.2. Hình thức “Nhật ký – Sổ Cái”                                                                                                              | 38        |
| 2.4.2.1. Quy trình ghi sổ của hình thức “Nhật ký – Sổ Cái”                                                                                       | 38        |
| 2.4.2.2. Thực hành ghi sổ theo hình thức “Nhật ký –Sổ cái”                                                                                       | 40        |
| <b>2.5. Kế toán Tiền gửi ngân hàng tại Công ty</b>                                                                                               | <b>43</b> |
| 2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng                                                                                                                  | 43        |
| 2.5.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng                                                                                                              | 43        |
| 2.5.3. Quy trình ghi sổ                                                                                                                          | 43        |
| 2.5.4. Trình tự ghi sổ                                                                                                                           | 44        |
| <b>2.6. Thực hành ghi sổ theo các hình thức còn lại</b>                                                                                          | <b>57</b> |
| 2.6.1 Hình thức “ Nhật ký chung ”                                                                                                                | 57        |
| 2.6.1.2. <i>Thực hành ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung”</i>                                                                                  | 57        |
| 2.6.2. Hình thức “Nhật ký – Sổ Cái”                                                                                                              | 59        |
| 2.6.2.1. Thực hành ghi sổ theo hình thức “Nhật ký –Sổ cái”                                                                                       | 59        |
| <b>PHẦN 3 MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VỀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH VÀ CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN CÒN LẠI</b> | <b>61</b> |
| 3.1. Một số đánh giá, nhận xét khái quát về công tác kế toán của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định                                       | 61        |
| 3.2. Nhận xét về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Định                                                    | 64        |
| 3.2.1. Ưu điểm                                                                                                                                   | 64        |
| 3.2.2. Nhược điểm                                                                                                                                | 64        |
| 3.3. Nhận xét về hình thức kế toán áp dụng tại Công ty và các hình thức kế toán còn lại                                                          | 65        |
| 3.3.1. Hình thức kế toán “chứng từ ghi sổ”                                                                                                       | 65        |
| 3.3.2. Hình thức kế toán “ Nhật ký chung ”                                                                                                       | 66        |

|                                                                                                                             |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 3.3.3. Hình thức kế toán “ Nhật ký – Sổ Cái ”                                                                               | 67        |
| 3.4. Một số giải pháp góp phần nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định | 68        |
| <b>KẾT LUẬN</b>                                                                                                             | <b>70</b> |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                                                                                   | <b>71</b> |

## DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU

### BẢNG

|                                                                                                |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Bảng 1.1: Một số chỉ tiêu phản ánh kết quả HĐKD đạt được trong 3 năm 2011, 2012 và 2013</b> | <b>6</b>  |
| <b>Bảng 1.2: Cơ cấu lao động theo chức năng.</b>                                               | <b>9</b>  |
| <b>Bảng 1.3: Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn.</b>                                     | <b>9</b>  |
| <b>Bảng 1.4: Cơ cấu lao động theo giới tính.</b>                                               | <b>10</b> |
| <b>Bảng 1.5. Tình hình TSCĐ của Công ty tính đến năm 2013</b>                                  | <b>10</b> |

### SƠ ĐỒ

|                                                          |           |
|----------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Sơ đồ 1.1: Quy trình công nghệ sản xuất</b>           | <b>11</b> |
| <b>Sơ đồ 1.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động Công ty</b> | <b>12</b> |
| <b>Sơ đồ 1.3: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty</b>     | <b>15</b> |

|                                                                                   |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính</b> | <b>17</b> |
| <b>Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức “ Chứng từ ghi sổ”</b>         | <b>18</b> |
| <b>Sơ đồ 2.1: Quy trình ghi sổ các nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt</b>           | <b>21</b> |
| <b>Sơ đồ 2.2: Mô hình kế toán tiền mặt trên phần mềm kế toán</b>                  | <b>23</b> |
| <b>Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung”</b>            | <b>35</b> |
| <b>Sơ đồ 2.4: Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức “Nhật ký – Sổ Cái”</b>         | <b>39</b> |